

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHẠM THỊ DỊU

XÓA ÁN TÍCH
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH ĐỊNH

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, năm 2018

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

PHẠM THỊ DỊU

**XÓA ÁN TÍCH
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tố tụng Hình sự
Mã số: 838.01.04**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. ĐẶNG QUANG PHƯƠNG**

HÀ NỘI, năm 2018

LỜI CẢM ƠN

Luận văn tốt nghiệp cao học với đề tài “Xóa án tích theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Định” được thực hiện tại Học viện Khoa học xã hội và đã hoàn thành đúng hạn.

Xin trân trọng cảm ơn quý thầy cô, cán bộ quản lý Học viện đã nhiệt tình giảng dạy, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập, nghiên cứu trong hai năm vừa qua tại Học viện.

Có được kết quả này xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc đến Tiến sĩ Đặng Quang Phương, người đã tận tâm giúp đỡ, trực tiếp hướng dẫn nghiên cứu khoa học nghiêm túc.

Chân thành cảm ơn lãnh đạo Trường Cao đẳng Bình Định đã hỗ trợ, tạo điều kiện về thời gian để tôi có thể tham gia học tập và hoàn thành khóa học. Cảm ơn người thân, bạn bè, đồng nghiệp, anh chị em học viên cùng khóa học đã hỗ trợ, giúp đỡ, chia sẻ, động viên những lúc khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

Ghi nhận và chân thành cảm ơn lãnh đạo Trường cao đẳng Bình Định, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, Sở Tư pháp tỉnh Bình Định, Phòng Hồ sơ(PV27) Công an tỉnh Bình Định, Tòa án nhân dân Huyện An Lão, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, Trại giam Kim Sơn, tinh đoàn Bình Định đã tạo điều kiện cho tôi trong việc thu thập tài liệu, thống kê số liệu góp phần cho luận văn thêm sâu sắc và sát thực tế hơn.

Một lần nữa trân trọng cảm ơn!

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi và được sự hướng dẫn khoa học của Tiến sĩ Đặng Quang Phương.

Các nội dung nghiên cứu, kết quả trong đề tài này là trung thực và chưa công bố dưới bất kỳ hình thức nào.

Tác giả luận văn

Phạm Thị Diệu

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ XÓA ÁN TÍCH	6
1.1. Khái niệm và hậu quả pháp lý của án tích	6
1.2. Khái niệm và ý nghĩa của xóa án tích	13
1.3. Điều kiện và thủ tục xóa án tích.....	18
CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VỀ XÓA ÁN TÍCH VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH	25
2.1. Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về án tích và xóa án tích.....	25
2.2. Thực tiễn thi hành quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về xóa án tích tại tỉnh Bình Định.....	46
CHƯƠNG 3. QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 VỀ XÓA ÁN TÍCH VÀ CÁC GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO THI HÀNH ĐÚNG XÓA ÁN TÍCH	62
3.1. Quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về án tích và xóa án tích.....	62
3.2. Các giải pháp đảm bảo thi hành đúng chế định xóa án tích.....	69
KẾT LUẬN	78
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	: Bộ luật hình sự
BLTTHS	: Bộ luật tố tụng hình sự
GCN	: Giấy chứng nhận
GS.TS	: Giáo sư. Tiến sĩ
NĐ-CP	: Nghị định – Chính phủ
NQ 49	: Nghị quyết 49
NQ-HĐTP	: Nghị quyết-Hội đồng thẩm phán
NQ-TW	: Nghị quyết trung ương
PGS.TS	: Phó giáo sư. Tiến sĩ
PGS.TSKH	: Phó giáo sư. Tiến sĩ khoa học
ThS	: Thạc sĩ
TS	: Tiến sĩ
TT-BCA	: Thông tư-Bộ công an
TTLT-BTP-TANDTC- VKSNDTC-BCA-BQP	Thông tư liên tịch-Bộ tư pháp-Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ công an-Bộ quốc phòng
TTLN	: Thông tư liên ngành

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Kết quả xử lý vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Bình Định.....	47
Bảng 2.2. Số người được xóa án tích trên địa bàn tỉnh Bình Định	48

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Một người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, khi thực hiện một hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến các quan hệ được luật hình sự bảo vệ, thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm tương ứng và phải chịu hình phạt. Hình phạt là hậu quả pháp lý nặng nề nhất, là chế tài nghiêm khắc nhất áp dụng đối với người thực hiện hành vi bị coi là tội phạm. Nếu như ở các vi phạm pháp luật khác thì người vi phạm sau khi chấp hành xong các hình thức xử lý là coi như xong, không còn hậu quả pháp lý nào về sau, trừ trường hợp xử lý vi phạm hành chính. Còn đối với người bị kết án, sau khi chấp hành xong hình phạt thì trách nhiệm của họ vẫn chưa xong. Mà họ còn phải chịu cái gọi là án tích, nó bị xem như là một “vết nhoe” trong lý lịch tư pháp. Việc pháp luật quy định chế định án tích là nhằm những mục đích khác nhau. Vừa là mục đích phòng ngừa chung, vừa thể hiện tính nhân đạo, nhân văn của chính sách hình sự. Tính phòng ngừa thể hiện ở chỗ do tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội là quá cao. Do vậy, pháp luật cần quy định một khoảng thời gian nhất định để xem xét thái độ ăn năn, hối lỗi, tự cải tạo của người đó như thế nào, xem xét khả năng tái phạm của người đó còn không. Đồng thời chế định xóa án tích còn nhằm mục đích khuyến khích người bị kết án chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tạo cơ hội cho họ hoàn lương, ăn năn, hối cải, xóa bỏ mặc cảm để tái hòa nhập cộng đồng, làm người có ích cho xã hội, trở thành công dân tốt và đặc biệt là không phạm tội mới. Do đó, nếu xóa án tích không được nhận thức một cách đúng đắn, quy định thành pháp luật và hiểu một cách đầy đủ, thống nhất sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến quyền của người phạm tội, quyền con người được quy định trong Hiến pháp 2013, xâm phạm đến nguyên tắc nhân đạo của luật hình sự, mục đích của chính sách hình sự sẽ không đạt được. Thực tiễn áp dụng chế định xóa án tích trên cả nước nói chung và tỉnh Bình Định nói riêng cho thấy các quy định của pháp luật về án tích, xóa án tích

còn nhiều bất cập, hạn chế. Nên dẫn đến tình trạng hiểu và áp dụng vấn đề này trên thực tế có nhiều mâu thuẫn, sai lầm dẫn đến xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kết án, làm cản trở con đường hoàn lương của họ. Hiện nay vẫn chưa có một công trình chuyên khảo nào nghiên cứu một cách đầy đủ và có hệ thống về vấn đề này, đặc biệt là sau khi Quốc hội thông qua BLHS năm 2015. Mà chỉ có một số luận văn, khóa luận tốt nghiệp nghiên cứu nhưng chỉ trên một phạm vi nhất định. Bình Định cũng là một trong những tỉnh mà tình hình tội phạm diễn biến rất phức tạp, số lượng người bị kết án ngày càng tăng. Nên vấn đề án tích và xóa án tích cần phải được quan tâm, hiểu đúng và thực hiện đúng. Do vậy, tác giả lựa chọn đề tài “*Xóa án tích theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Định*” làm luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Từ trước khi BLHS năm 1985 ra đời thì chưa có một văn bản pháp luật nào quy định cụ thể về vấn đề xóa án tích, mà nó chỉ được quy định một cách rải rác trong một số văn bản pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, từ khi BLHS năm 1985 ra đời thì lần đầu tiên vấn đề xóa án tích đã được đề cập đến và quy định thành các điều luật cụ thể. Vấn đề xóa án tích được quy định ngày càng đầy đủ và hoàn thiện trong các BLHS năm 1999 và 2015. Từ khi chế định xóa án tích ra đời thì vấn đề này đã được nhiều tác giả quan tâm và nghiên cứu một cách nghiêm túc dưới nhiều phương diện khác nhau. Có thể kể đến các công trình nghiên cứu như: Khóa luận tốt nghiệp của Nguyễn Thị Lan (2003) “*Chế định xóa án tích trong luật hình sự Việt Nam*”; Luận văn thạc sĩ của các tác giả Nguyễn Cao Cương (2015) “*Chế định xóa án tích trong luật hình sự Việt Nam*”; Phan Văn Trình (2017) “*Xóa án tích theo luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*”; Nguyễn Hồng Sơn (2017) “*Xóa án tích trong luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi*”; Nguyễn Thị Hương Giang (2017) “*Xóa án tích trong luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Phú Thọ*”. Ngoài các đề tài khóa luận, luận văn tốt nghiệp thì vấn đề xóa án tích cũng được đề cập đến trong các bình luận khoa học của các tác giả như PGS.TSKH Lê Cẩm, PGS.TS. Trần Đình Nhã,

Th.S Đinh Văn Quế, Luật gia Trần Minh Hưởng. Hoặc trong các giáo trình luật hình sự phần chung của GS.TS Võ Khánh Vinh, PGS.TS Hồ Sỹ Sơn, PGS.TS Nguyễn Ngọc Hòa... Ngoài ra còn có các công trình nghiên cứu của các tác giả như PGS.TS Hồ Sỹ Sơn, PGS.TSKH Lê Cẩm, TS Ưông Chu Lưu được đăng trên các tạp chí Nhà nước và pháp luật cũng như các tạp chí chuyên ngành khác. Các công trình nghiên cứu trên cho thấy chế định xóa án tích là rất quan trọng. Tuy nhiên, vấn đề này hiện nay vẫn còn nhiều cách hiểu khác nhau, chưa thống nhất và đồng bộ, nó tạo nên nhiều tranh cãi trong giới nghiên cứu. Trên địa bàn tỉnh Bình Định từ trước đến nay chưa có một công trình nghiên cứu nào về vấn đề này. Do vậy, tác giả chọn đề tài “*Xóa án tích theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Định*” làm luận văn thạc sĩ của mình. Đề tài tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về xóa án tích trên địa bàn tỉnh Bình Định, để từ đó đề ra các giải pháp đảm bảo thi hành đúng.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Góp phần làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận về án tích và xóa án tích; lịch sử lập pháp luật hình sự Việt Nam; thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về xóa án tích trên địa bàn tỉnh Bình Định trong thời gian qua. Từ đó, góp phần đề xuất các giải pháp để bảo đảm xóa án tích đúng, theo quy định mới của Bộ luật hình sự năm 2015.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu đã đề ra, luận văn cần thực hiện các nhiệm vụ cơ bản sau đây:

- Phân tích, làm rõ khái niệm án tích và xóa án tích;
- Đánh giá được hậu quả pháp lý của án tích;
- Phân tích và nêu bật được ý nghĩa của xóa án tích;
- Nghiên cứu, phân tích, đánh giá các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về án tích và xóa án tích. Đồng thời so sánh với các quy định của Bộ luật hình sự năm 1985 và các văn bản pháp luật liên quan trước đó;

- Nghiên cứu, phân tích, đánh giá quy định của BLHS năm 2015 về án tích và xóa án tích. Đồng thời so sánh với quy định của BLHS năm 1999;

- Phân tích, so sánh, làm rõ các quy định về đương nhiên xóa án tích; xóa án tích theo quyết định của Tòa án; xóa án tích trong trường hợp đặc biệt; quy định về cách tích thời hạn để xóa án tích của BLHS năm 1985, 1999 và 2015 và so sánh các quy định đó với nhau;

- Phân tích, đánh giá thực tiễn xóa án tích trên địa bàn tỉnh Bình Định từ năm 2013 đến 2017, từ đó rút ra các kết quả đạt được, những vi phạm, sai lầm và nguyên nhân của những vi phạm, sai lầm đó;

- Trên cơ sở các vi phạm, sai lầm đã chỉ ra đề xuất các giải pháp để khắc phục những vi phạm, sai lầm đó và giải pháp đảm bảo thi hành đúng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu các quan điểm khoa học, các quy định của pháp luật Việt Nam về án tích, xóa án tích; các tài liệu, giáo trình có liên quan; các vụ án cụ thể; các công trình nghiên cứu chuyên khảo; các luận văn, các báo cáo tổng kết, báo cáo chuyên đề của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định để nghiên cứu các vấn đề thuộc nội dung nghiên cứu của đề tài.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu dưới góc độ lý luận và thực tiễn của luật hình sự và tố tụng hình sự. Các số liệu được xem xét và cập nhật từ hoạt động thực tiễn của Tòa án hai cấp tỉnh Bình Định trong thời gian từ năm 2013 đến 2017 để làm rõ những vi phạm, sai lầm trong quá trình áp dụng các quy định của pháp luật về xóa án tích vào công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm trên địa bàn tỉnh Bình Định trong thời gian qua. Đồng thời nghiên cứu các quy định của BLHS năm 2015 về vấn đề xóa án tích. Từ đó đánh giá các quy định đó với điều kiện thực tế.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Luận văn được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa duy vật

biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác–Lênin.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu luận văn đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp xã hội học, lịch sử, phỏng vấn, lôgic, phân tích, so sánh, đánh giá, tổng hợp. Ngoài ra tác giả luận văn còn tham khảo ý kiến các chuyên gia và những người liên quan để nghiên cứu đề tài.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn góp phần cung cấp cơ sở lý luận về án tích và xóa án tích trong hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam. Kết quả nghiên cứu của luận văn là nguồn tài liệu tham khảo cho sinh viên, học viên cao học và những người nghiên cứu những vấn đề khoa học có liên quan.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu thực tiễn của luận văn góp phần vào việc xác định những nội dung cơ bản làm cơ sở cho việc áp dụng các quy định của pháp luật về xóa án tích đối với người đã bị Tòa án kết án, đã chấp hành án xong và trải qua một thời gian thử thách nhất định. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, góp phần nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và trên địa bàn tỉnh Bình Định nói riêng.

7. Kết cấu của luận văn

Luận văn ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục các chữ viết tắt, danh mục các bảng biểu, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về xóa án tích.

Chương 2: Quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 về xóa án tích và thực tiễn thi hành tại tỉnh Bình Định.

Chương 3: Quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về xóa án tích và các giải pháp bảo đảm thi hành đúng xóa án tích.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ XÓA ÁN TÍCH

1.1. Khái niệm và hậu quả pháp lý của án tích

1.1.1. Khái niệm án tích

Trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền, một điều không thể phủ nhận là sự cố gắng không ngừng của Đảng và Nhà nước để xây dựng và phát triển mọi mặt của đời sống xã hội. Để góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội và ổn định an ninh, trật tự, an toàn xã hội phải nói đến sự phát triển không ngừng của hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung cũng như Luật hình sự nói riêng. Trong luật hình sự Việt Nam, vấn đề án tích được đề cập đến kể từ khi BLHS năm 1985 có hiệu lực. Trước khi có Bộ luật này, trong các văn bản pháp luật, tình tiết xấu về nhân thân liên quan đến án tích đã được quy định là tình tiết tái phạm, tái phạm nguy hiểm. Đó là hai trường hợp cụ thể đặc biệt của trường hợp có án tích. Tuy nhiên, quy định này còn bị hạn chế bởi thiếu quy định về xóa án tích. Hạn chế này đã được khắc phục trong BLHS năm 1985. Cụ thể, vấn đề này được quy định tại khoản 5 Điều 3 và tại các Điều 52 đến Điều 56 của BLHS năm 1985 quy định xóa án và các trường hợp xóa án: Đương nhiên xóa án, xóa án theo quyết định của tòa án, xóa án trong trường hợp đặc biệt. Trong BLHS năm 1999, các quy định liên quan đến án tích đã dần được hoàn thiện. Đồng thời trong Bộ luật này, ảnh hưởng của án tích đối với trách nhiệm hình sự cũng được mở rộng hơn. Trong BLHS năm 1985, án tích được quy định chủ yếu ảnh hưởng đến mức độ trách nhiệm hình sự qua quy định về tái phạm, tái phạm nguy hiểm. Án tích có thể là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, cũng có thể là tình tiết định tội hoặc tăng nặng định khung. Trong BLHS năm 1999, ý nghĩa quyết định của án tích trong việc xác định hành vi trái pháp luật là tội phạm đã được mở rộng đối với nhiều tội. Bên cạnh các tình tiết xấu về nhân thân như tình tiết đã bị xử phạt về hành chính, tình tiết có án tích... đã được quy định là tình tiết định tội độc lập hoặc là tình tiết định tội thay thế cho tình tiết hậu quả nguy hiểm cho xã hội ở

hiều tội danh. Tuy nhiên, để hiểu án tích là gì thì cho đến nay trong các BLHS Việt Nam chưa có một điều luật nào đưa ra định nghĩa pháp lý về án tích, cũng như chưa có một công trình nghiên cứu chuyên khảo độc lập nào đề cập, nghiên cứu chế định án tích một cách toàn diện và có hệ thống. Việc BLHS không quy định hoặc giải thích một cách cụ thể như thế nào được gọi là án tích hay nói cách khác án tích là gì? Đã dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm, đặc điểm, bản chất và ý nghĩa của án tích. Có thể kể đến một số quan điểm khác nhau trong giới khoa học luật hình sự về án tích như sau:

Theo quan điểm của PGS.TS Phạm Hồng Hải thì án tích được hiểu là “Hậu quả pháp lý của bản án kết tội mà Tòa án tuyên đối với người phạm tội, là một tình tiết có ý nghĩa pháp lý trong việc đánh giá tính chất nguy hiểm của tội phạm và của người phạm tội khi tội phạm được thực hiện trong thời gian người ấy mang án tích” [15, tr.14]. Quan điểm này đã chỉ ra được án tích là hậu quả pháp lý bất lợi chỉ áp dụng cho người phạm tội thông qua bản án kết tội của tòa án. Điểm bất lợi đó thể hiện ở chỗ nó sẽ được coi là một điều kiện để đánh giá mức độ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đó là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm(Điều 49 BLHS năm 1999), nếu như người đó tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích. Tuy vậy, quan điểm này vẫn bộc lộ một số điểm chưa hợp lý, đó là không phải bất kỳ người phạm tội nào bị kết án cũng bị coi là có án tích. Trường hợp người bị kết án, nhưng được tòa án tuyên miễn hình phạt thì không bị coi là có án tích(khoản 1 Điều 64 BLHS năm 1999).

Luật gia Nguyễn Thị Lan lại cho rằng: “Án tích là một dấu ấn, cho thấy người có án tích đã từng bị kết án vì đã phạm tội” [22, tr.12-13]. Quan điểm này đã chỉ ra được rằng chỉ có những người phạm tội mà đã bị tòa án kết án, thì mới có án tích. Tuy nhiên, quan điểm này cũng có những điểm chưa thật sự hợp lý. Đó là việc dùng thuật ngữ "dấu ấn" để chỉ hậu quả pháp lý của người bị kết án phải gánh chịu là chưa phù hợp, thiếu chuẩn xác, nó chưa đáng giá đúng bản chất pháp lý của án tích cũng như tính nghiêm khắc của hình phạt. Và mặt khác, cũng

giống như quan điểm của PGS.TS Phạm Hồng Hải thì dùng thuật ngữ “người bị kết án” làm căn cứ là không chính xác, vì có nhiều trường hợp bị kết án nhưng không bị áp dụng hình phạt thì cũng không bị coi là có án tích.

Còn theo Từ điển luật học của Viện khoa học pháp lý (Bộ Tư pháp) thì: “Án tích là đặc điểm xấu (hậu quả) về nhân thân của người đã bị kết án và bị áp dụng hình phạt đã được ghi và lưu lại trong lý lịch tư pháp trong thời gian luật định” [6, tr.14]. Quan điểm này đã khái quát và làm rõ được bản chất của án tích cũng như các đặc điểm về mặt pháp lý của án tích. Án tích được áp dụng với những chủ thể đã bị kết án và bị áp dụng hình phạt về một tội phạm cụ thể nào đó mà chưa được xóa án tích. Bản chất của án tích là những đặc điểm xấu về mặt nhân thân của người phạm tội. Điều này được thể hiện một cách rõ ràng trong lý lịch tư pháp của họ với dòng chữ được ghi “có tiền án”. Tuy nhiên, án tích nó không phải là một yếu tố tồn tại vĩnh viễn mà chỉ tồn tại trong một thời gian nhất định. Thời gian mang án tích dài hay ngắn là tùy thuộc vào mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội gây ra. Một người khi đã mang án tích thì sẽ gặp rất nhiều bất lợi trong cuộc sống và những hoạt động mà họ tham gia.

Như vậy, từ những sự phân tích, nghiên cứu trên đây và tham khảo một số quan điểm khác nhau về án tích tác giả đưa ra định nghĩa của mình về án tích như sau: *“Án tích là tình trạng pháp lý bất lợi của người bị kết án và bị áp dụng hình phạt theo bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án và chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian nhất định. Được tính từ khi người bị kết án chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của Tòa án.*

1.1.2. Hậu quả pháp lý của án tích

Trong vấn đề trách nhiệm pháp lý, điểm khác biệt giữa việc bị áp dụng chế tài hình sự và các chế tài khác ở chỗ: Nếu như, ở các vi phạm pháp luật khác thì người vi phạm sau khi chấp hành xong các chế tài xử lý thì mọi trách nhiệm chấm dứt. Còn đối với người vi phạm mà bị áp dụng chế tài hình sự thì sau khi chấp hành xong hình phạt trách nhiệm pháp lý họ vẫn chưa chấm dứt. Đó là họ vẫn bị coi là có án tích trong một khoảng thời gian nhất định. Điều này sẽ mang

lại cho người bị kết án rất nhiều bất lợi. Đây chính là đặc điểm nổi bật nhất để đánh giá mức độ nghiêm khắc nhất của hình phạt so với các biện pháp tư pháp khác. Vậy sự bất lợi của án tích được thể hiện ở các phương diện sau:

Thứ nhất, án tích làm cho người bị kết án mang đặc điểm xấu về nhân thân

Khi một người phạm tội đã bị tòa án áp dụng hình phạt thì hậu quả pháp lý mà họ phải gánh chịu không chỉ là chấp hành hình phạt đó mà còn bị coi là có án tích - một đặc điểm xấu về nhân thân. Một sự bất lợi rất lớn cho họ trong nhiều hoạt động của đời sống xã hội cũng như khi có hành vi vi phạm pháp luật hoặc hành vi phạm tội mới. Người mang án tích, trong lý lịch tư pháp cũng như các giấy tờ chứng thực về nhân thân sẽ bị ghi “có tiền án”, đồng thời cũng chỉ rõ tội phạm cũng như hình phạt mà họ phải gánh chịu. Khi đó, án tích như một “vết bẩn” trong lý lịch của người phạm tội, dẫn tới sự kỳ thị, những cái nhìn thiếu thiện cảm của xã hội. Điều này sẽ gây ra không ít khó khăn trong quá trình sinh hoạt, tham gia các hoạt động xã hội, làm cản trở con đường hoàn lương của người bị kết án.

Hơn nữa, để bảo đảm tính phòng ngừa tội phạm thì Nhà nước sẽ hạn chế bớt một số quyền của người đang bị mang án tích trong một số lĩnh vực nhất định. Có thể kể đến một số lĩnh vực như: Khoản 4 Điều 17 Luật Luật sư năm 2013 cũng quy định về điều kiện được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư thì người “đã bị kết án mà chưa được xóa án tích về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý; đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng do cố ý, tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý kể cả trường hợp đã được xóa án tích” thì không được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư. Điểm c Khoản 2 Điều 36 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 quy định về điều kiện tuyển dụng công chức như sau: “Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích;...” thì không được đăng ký dự tuyển công chức.

Thứ hai, An tích cũng có thể là một trong những căn cứ để xác định là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm khi có hành vi phạm tội mới

Việc xem xét một người bị kết án đã được xóa án tích hay chưa cần dựa vào quy định về xóa án tích do BLHS quy định tại các điều từ Điều 63 đến 67 và Mục 11 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của BLHS năm 1999 đã hướng dẫn. Theo đó, việc xác định một người đã bị Tòa án xét xử và bị áp dụng hình phạt có được xóa án tích hay chưa phải xem xét họ đã chấp hành xong nội dung bản án hay chưa, bao gồm: hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án (như án phí, bồi thường thiệt hại...) chứ không chỉ dựa vào hình phạt chính đã tuyên đối với họ.

Điều 49 BLHS năm 1999 quy định cụ thể như sau: “1. Tái phạm là trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý hoặc phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do vô ý. 2. Những trường hợp sau đây thì coi là tái phạm nguy hiểm: a) Đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý; b) Đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý”. Như vậy, dấu hiệu “chưa xóa án tích” chính là dấu hiệu quan trọng để xem xét hành vi phạm tội mới của người đó có tái phạm hay tái phạm nguy hiểm hay không. Dấu hiệu tái phạm, tái phạm nguy hiểm là một trong những căn cứ để xác định các tình tiết định khung hình phạt hoặc là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của hành vi phạm tội mới.

Ví dụ như tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (điểm i Khoản 1 Điều 104 BLHS năm 1999: Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm: Có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm); Tội hiếp dâm (điểm i khoản 2 Điều 111 BLHS năm 1999: “Phạm tội một trong những trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm: ...i) Tái phạm nguy hiểm”); Tội hiếp dâm trẻ em (điểm d khoản 2 Điều 112 BLHS năm 1999: Phạm tội thuộc một trong các

trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm:...đ) Tái phạm nguy hiểm”); Tội cưỡng dâm (điểm g khoản 2 Điều 113 BLHS năm 1999); Tội buôn lậu (điểm c khoản 2 Điều 153 BLHS năm 1999)... Khi có dấu hiệu còn án tích và tái phạm, tái phạm nguy hiểm thì hành vi phạm tội thường bị áp dụng theo khung hình phạt tăng nặng.

Thứ ba, dấu hiệu “chưa được xóa án tích” có thể trở thành một trong những yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt, quyết định hình phạt

Mặc dù nhân thân của người phạm tội không phải là yếu tố cấu thành tội phạm nhưng việc nghiên cứu nhân thân của người phạm tội một cách đầy đủ và khách quan có ý nghĩa rất lớn. Ở một số tội phạm, yếu tố nhân thân người phạm tội có ý nghĩa quyết định đối với việc định tội hoặc định khung hình phạt. Do vậy, trong quá trình giải quyết vụ án, để đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật thì cơ quan điều tra, truy tố, xét xử phải nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện về nhân thân người phạm tội. Như vậy, mới đưa ra được một phán quyết cuối cùng đảm bảo thấu tình, đạt lý được.

Việc quy định án tích là một đặc điểm nhân thân của người phạm tội còn có ý nghĩa quan trọng trong việc quyết định hình phạt. Đặc điểm nhân thân của người phạm tội vừa thể hiện khả năng giáo dục, cải tạo, vừa thể hiện được khả năng tái phạm. Ngoài ra nhân thân của người phạm tội nó cũng thể hiện được phần nào mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà họ thực hiện. Do vậy, việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội cũng có ý nghĩa rất lớn trong quyết định hình phạt. Nhân thân người phạm tội cũng là một trong những dấu hiệu quan trọng quyết định việc tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Ví dụ: Cấu thành tội phạm tăng nặng của tội Mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em(khoản 2 Điều 120 BLHS năm 1999) đòi hỏi chủ thể có đặc điểm là tái phạm nguy hiểm. Theo đó, một người thực hiện hành vi nêu đang có án tích thì trong trường hợp này sẽ bị xem xét tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Thứ 4, trong một số trường hợp, án tích còn hạn chế quyền của một số người liên quan đến người bị kết án như cha, mẹ đẻ; con đẻ...

Tại điểm a khoản 1 Mục II của Thông tư số 53/2012/TT-BCA ngày 15/8/2012 của Bộ Công an quy định tiêu chuẩn chính trị của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân như sau: *“là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có địa chỉ thường trú trên lãnh thổ Việt Nam, có lý lịch bản thân và gia đình rõ ràng, nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách của Đảng cộng sản Việt Nam, pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam hoặc Đoàn viên Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh”*. Như vậy, theo quy định này thì những người muốn dự tuyển vào ngành Công an nhân dân thì bản thân và gia đình phải tuyệt đối chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, phải chưa từng có tiền án. Nếu như người muốn dự tuyển vào ngành công an nhân dân mà có người thân đã từng có tiền án, kể cả trường hợp đã được xóa án tích thì vẫn không được xét tuyển, sơ tuyển vào lực lượng Công an nhân dân.

Ví dụ: Trường hợp của em Trương Hương Ly(Nghệ An) trong kỳ thi tuyển sinh cao đẳng, đại học năm 2017 em đạt số điểm là 26,5 số điểm cao nhất của khối D nhưng em vẫn không được xét tuyển vào trường Công an nhân dân. Vì lý do, ngày 12/7/2010 mẹ đẻ của em bị tòa án nhân dân Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An tuyên phạt 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 05 năm. Đến năm 2017 thì mẹ của em đã được xóa án tích, tuy vậy em vẫn không được xét tuyển vào trường Công an nhân dân.

Việc quy định về tiêu chí vào ngành công an như vậy đã thực sự phù hợp với các văn bản pháp luật khác hay chưa? Vì BLHS quy định án tích chỉ áp dụng đối với người bị kết án và bị áp dụng hình phạt và nó cũng chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian nhất định do pháp luật quy định. Người được xóa án tích coi như chưa từng phạm tội, các quyền công dân của họ sẽ được khôi phục. Hơn nữa tinh thần của BLHS là người nào làm thì người đó chịu trách nhiệm. Việc quy định của pháp luật như vậy dẫn đến tình trạng người này thực hiện hành vi phạm tội nhưng người khác lại phải chịu hậu quả. Như vậy là không đảm bảo tính công bằng, xâm phạm đến quyền lợi của công dân.

1.2. Khái niệm và ý nghĩa của xóa án tích

1.2.1. Khái niệm xóa án tích

Xóa án tích là một chế định của pháp luật hình sự thể hiện chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta đối với người bị kết án khi họ đã chấp hành xong bản án hình sự. Trước BLHS năm 1985 được ban hành, chế định xóa án tích chưa được pháp điển hóa trong một văn bản pháp luật nào, khi BLHS được ban hành chế định xóa án tích đã được ghi nhận trong Điều 3 và từ Điều 52 đến Điều 56 của BLHS năm 1985. Đến BLHS năm 1999, vấn đề án tích được quy định trong khoản 5 Điều 3 và từ Điều 63 đến Điều 67 BLHS năm 1999. Về cơ bản vấn đề xóa án tích trong BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999 không thay đổi nhiều, thuật ngữ “xóa án” trong BLHS năm 1985 được thay bằng “xóa án tích” trong BLHS năm 1999. Với tính chất nhân đạo của chính sách hình sự nhằm giúp xóa bỏ mặc cảm tội lỗi của người đã từng bị kết án, giúp họ tái hòa nhập với cộng đồng. Luật hình sự Việt Nam quy định chế định xóa án tích để loại bỏ hậu quả pháp lý bất lợi này, đối với người bị kết án khi đáp ứng những điều kiện nhất định. Cũng như khái niệm án tích, BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999 không đưa ra khái niệm xóa án tích một cách cụ thể nên hiện nay vẫn có nhiều quan niệm khác nhau về xóa án tích.

Theo TS. Ưông Chu Lưu thì: “Xóa án tích là sự thừa nhận về mặt pháp lý người bị kết án không còn mang án tích và vì vậy, không còn chịu hậu quả bất lợi nào do việc kết án mang lại” [23, tr.222]. Quan điểm này đã chỉ ra được bản chất quan trọng của xóa án tích, đó là sự “thừa nhận về mặt pháp lý” không còn án tích, sẽ được coi như chưa từng phạm tội, không bị xem là một tình tiết để đánh giá tái phạm hay tái phạm nguy hiểm. Tuy nhiên, nếu nói sau khi được xóa án tích thì người bị kết án không còn phải gánh chịu hậu quả nào là chưa chính xác. Vì trên thực tế về mặt xã hội còn nhiều hạn chế, tư tưởng của người dân về việc nhìn nhận một người từng đã bị kết án vẫn còn tồn tại. Việc tiếp xúc hoặc các mối quan hệ với người từng bị kết án vẫn có sự đề phòng, dè dặt. Nên vấn đề tái hòa nhập xã hội của người đó gặp rất nhiều khó khăn chứ không phải dễ dàng.

Còn GS.TS Võ Khánh Vinh thì cho rằng: “Xóa án tích được hiểu là việc xóa bỏ việc mang án tích thể hiện ở sự công nhận coi như chưa bị kết án đối với người đã bị Tòa án xét xử, kết tội [44, tr.445]. Quan điểm này của GS.TS Võ Khánh Vinh đã thể hiện được tính chất nhân đạo trong chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước. Đó là một người sau khi chấp hành xong hình phạt họ đã tự nguyện chấp hành tốt pháp luật và không tiếp tục phạm tội, thì sẽ được pháp luật ghi nhận. Sau khi được xóa án tích thì họ sẽ được coi như chưa từng phạm tội. Tuy nhiên, quan điểm này sử dụng thuật ngữ “xóa án tích là xóa bỏ việc mang án tích” tạo nên sự trùng lặp về mặt từ ngữ. Hơn nữa nếu coi xóa án tích là coi như chưa bị kết án đối với người đã bị tòa án xét xử, kết tội là chưa chính xác. Vì có những trường hợp có những người phạm tội họ vẫn bị Tòa án xét xử, kết tội nhưng lại được miễn hình phạt hoặc chỉ bị áp dụng các biện pháp tư pháp. Trong trường hợp này họ không bị xem là có án tích nên không đặt ra vấn đề xóa án tích đối với những đối tượng này.

Theo Luật gia Nguyễn Ngọc Điệp: “Xóa án tích là một chế định mang tính chất nhân đạo xã hội chủ nghĩa của Nhà nước ta nhằm tạo điều kiện cho người phạm tội bị kết án đã chấp hành xong hình phạt sớm hòa nhập với xã hội, với cộng đồng, không còn mặc cảm về nhân thân của mình, tạo điều kiện cho họ học tập, lao động để trở thành công dân có ích cho xã hội. Người được xóa án tích được coi như chưa bị kết án(chưa có tiền án) và họ được Tòa án cấp giấy chứng nhận xóa án tích” [13, tr 190]. Quan điểm này đã thể hiện được mục đích nhân đạo trong chính sách hình sự của Nhà nước ta. Đồng thời về mặt pháp lý nếu trong thời gian thử thách mà người bị kết án không phạm tội mới thì sẽ được xóa án tích và được coi như chưa từng phạm tội. Tuy nhiên, Tòa án chỉ cấp giấy chứng nhận xóa án tích khi có yêu cầu của người bị kết án, khi họ có đủ điều kiện chứ không phải đương nhiên cấp.

Theo Từ điển luật học-Viện khoa học pháp lý (Bộ Tư pháp): “Xóa án tích là một chế định của luật hình sự với nội dung xác định điều kiện và trình tự xóa bỏ việc mang án tích. Với việc xóa án tích người đã bị kết án được coi như chưa

can án và như vậy sẽ không còn cơ sở để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm nếu họ phạm tội lại” [6, tr.871]. Quan điểm này đã chỉ ra được ý nghĩa về mặt pháp lý của việc xóa án tích đó là nó không bị coi là yếu tố để đánh giá tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Đồng thời quan điểm này cũng chỉ rõ được là để được xóa án tích thì cần đáp ứng các điều kiện và trình tự, thủ tục nhất định do pháp luật quy định. Tức là nói về hai trường hợp xóa án tích là xóa án tích đương nhiên và xóa án tích theo quyết định của tòa án.

Dựa trên việc nghiên cứu những quan điểm khác nhau về xóa án tích nêu trên, tác giả đưa ra quan niệm của mình như sau: *“Xóa án tích được hiểu là xóa bỏ việc mang dấu tích hình sự đối với người đã bị Tòa án kết án và bị áp dụng hình phạt. Khi người bị kết án chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác sau một thời gian nhất định và người đó không phạm tội mới trong thời gian đó thì sẽ được xóa án tích, được coi như chưa can án và được cấp giấy chứng nhận”*.

1.2.2. Ý nghĩa của xóa án tích

Án tích là một chế định vừa mang tính nghiêm khắc của Nhà nước đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội, vừa thể hiện tính nhân đạo đối với người từng có hành vi phạm tội. Sau khi chấp hành xong hình phạt, người phạm tội còn phải vượt qua thời gian thử thách thì mới được khôi phục lại các quyền. Do vậy, án tích đối với một con người nó có tác động rất lớn trên tất cả lĩnh vực đời sống mà họ tham gia. Vì vậy, xóa án tích nó có ý nghĩa rất lớn cả về mặt pháp lý và mặt xã hội đối với người bị kết án và bị áp dụng hình phạt.

1.2.2.1. Ý nghĩa về mặt pháp lý

Xóa án tích thể hiện sự công nhận của Nhà nước, coi như người đó chưa từng phạm tội và không phải tiếp tục gánh chịu bất cứ hậu quả nào do án tích mang lại. Nếu như, người đã được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội mới thì việc trước đây đã từng mang án tích không bị coi là căn cứ để xác định là tái phạm hay tái phạm nguy hiểm. Lúc nay, họ hoàn toàn bình thường như những người khác, điều này thể hiện ở chỗ:

Thứ nhất: Một số quyền công dân đã bị hạn chế sẽ được khôi phục. Một người khi bị kết án và có án tích thì một số quyền công dân của họ sẽ bị hạn chế, nhưng khi được xóa án tích thì những quyền đã bị hạn chế sẽ được khôi phục, cụ thể như: quyền tự do ngôn luận, quyền xuất nhập cảnh, quyền thi tuyển công chức, quyền nhận nuôi con nuôi, quyền hành nghề... Quy định này xuất phát từ chính yêu cầu phòng ngừa tội phạm trong chính sách hình sự Việt Nam. Một người phạm tội đã được xóa án tích tức là họ đã được Nhà nước ghi nhận nỗ lực hoàn lương, thực sự ăn năn hối cải, nhận ra sai lầm của mình, cố gắng trở về tái hòa nhập cộng đồng. Vì vậy, việc khôi phục lại những quyền công dân cho họ là điều chính đáng, phù hợp với chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta.

Thứ hai, Sau khi đã được xóa án tích, họ được coi như “*chưa từng phạm tội*” và nếu người đó lại phạm tội mới thì cũng coi như phạm tội lần đầu. Khi một người bị kết án và đang trong thời gian có án tích mà tiếp tục phạm tội mới thì án tích được coi là một căn cứ để làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Lúc này, án tích sẽ trở thành một tình tiết để xác định là tái phạm, tái phạm nguy hiểm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết định khung hay là yếu tố định tội. Tuy nhiên, khi người bị kết án đã được xóa án tích thì những điều bất lợi này sẽ đương nhiên mất đi, những ràng buộc bất lợi về mặt pháp lý của bản án cũ cũng đương nhiên không còn nữa.

Như vậy, chế định xóa án tích đã đảm bảo được chính sách nhân đạo được ghi nhận tại khoản 5 Điều 3 BLHS năm 1999: “Người đã chấp hành xong hình phạt được tạo điều kiện làm ăn, sinh sống lương thiện, hòa nhập với cộng đồng, khi có đủ điều kiện do luật định thì được xóa án tích”. Việc quy định những hậu quả pháp lý mà người bị kết án phải chịu khi chưa được xóa án tích không nhằm mục đích trừng phạt họ. Về cơ bản việc quy định như vậy là nhằm tạo điều kiện cho họ có cơ hội phấn đấu, cải tạo sớm nhận ra lỗi lầm của mình, nhận ra được giá trị của việc vượt qua thử thách để được công nhận là người lương thiện. Quy định này nhằm ghi nhận những nỗ lực, cố gắng cải tạo của những người không may làm lỡ, giúp họ xóa bỏ những mặc cảm tội lỗi, sớm tái hòa nhập cộng đồng.

1.2.2.2. Ý nghĩa về mặt xã hội

Xóa án tích thể hiện sự nhìn nhận của pháp luật vào chiều hướng thay đổi tích cực của người phạm tội, khích lệ, động viên họ nhìn nhận ra điều sai trái mà mình đã mắc phải, đồng thời cho họ một cơ hội làm lại cuộc đời. Xóa án tích còn có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình học tập, lao động và đời sống của những người này, nhất là đối với người phạm tội là người chưa thành niên. Việc xóa án tích sẽ giúp cho những người đã từng lầm lỡ có cơ hội làm lại cuộc đời, xóa đi cảm giác mặc cảm bởi quá khứ tội lỗi của mình và tránh được kì thị của xã hội. Đối với bản thân người bị kết án những quy định về xóa án tích góp phần động viên người bị kết án tích cực cải tạo tốt, chấp hành tốt pháp luật, ngăn ngừa họ phạm tội mới để nhanh chóng trở về với gia đình và xã hội, tái hòa nhập cộng đồng một cách tốt nhất. Còn đối với gia đình, người thân của người bị kết án, họ cũng sẽ không bị mang tiếng xấu là trong gia đình có người phạm tội. Ngoài ra, nó còn mang tính phòng ngừa tội phạm rất cao. Bởi lẽ, một người bị kết án xong thì trách nhiệm pháp lý của họ chưa chấm dứt ngay. Pháp luật dự liệu một khoảng thời gian nhất định để thử thách người bị kết án. Nếu họ vượt qua thử thách thì được coi như chưa từng phạm tội còn nếu họ không vượt qua thử thách thì sẽ bị coi là tái phạm, tái phạm nguy hiểm là tình tiết để tăng nặng trách nhiệm cho họ khi quyết định hình phạt cho tội phạm mới mà họ thực hiện.

Việc quy định xóa án tích xuất phát từ thực tế là nghiêm trị và răn đe người phạm tội nhưng vẫn phải đảm bảo tính nhân đạo. Xã hội muốn có công bằng, nhân đạo và bảo đảm tốt nhất quyền con người như ghi nhận của Hiến pháp thì xã hội đó phải có một hệ thống pháp luật vì con người. Pháp luật phải nghiêm minh, phải nghiêm trị những hành vi phạm tội, đồng thời phải giáo dục, cải tạo và cho họ một con đường hoàn lương để trở về với cái đúng đắn. Còn nếu pháp luật chặn kín mọi lối hoàn lương của người phạm tội, không ghi nhận những nỗ lực cố gắng cải tạo của họ thì vô hình chung đã buộc người phạm tội phải tái phạm và tạo thêm gánh nặng cho gia đình và xã hội.

Về mặt thực tiễn, nếu Tòa án thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của

mình, áp dụng đúng đắn và chính xác trong thực tiễn các quy định về xóa án tích sẽ đưa đến một loạt các lợi ích cho xã hội. Đó là pháp chế được tăng cường, trật tự pháp luật được củng cố; quyền con người được tôn trọng và đảm bảo; nâng cao uy tín của Tòa án, làm tăng thêm lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, tin vào tính công minh và sức mạnh của pháp luật, tin vào công lý, công bằng xã hội.

1.3. Điều kiện và thủ tục xóa án tích

1.3.1. Điều kiện xóa án tích

Để được xóa án tích và công nhận coi như chưa từng phạm tội, thì người bị kết án phải chấp hành tốt các điều kiện mà pháp luật đưa ra. Để giúp người bị kết án có hướng phấn đấu, rèn luyện sau thời gian chấp hành án, thì pháp luật đã quy định một cách đầy đủ và rõ ràng các điều kiện, cả về mặt nội dung và thời gian thử thách. Những quy định này được thể hiện một cách đầy đủ và rõ ràng từ Điều 53 đến Điều 57 BLHS năm 1985 và được sửa đổi bổ sung trong BLHS năm 1999 bằng chế định xóa án tích từ Điều 63 đến Điều 67. Theo quy định ở các điều luật này thì việc xóa án tích đối với người đã chấp hành xong bản án sẽ được thực hiện bằng một trong hai cách sau: Đương nhiên xóa án tích và xóa án tích theo quyết định của Tòa án. Người được xóa án tích coi như chưa can án và được cấp giấy chứng nhận xóa án tích. Theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam, người bị kết án muốn được xóa án tích cần phải đáp ứng được đồng thời hai điều kiện, đó là điều kiện về nội dung và điều kiện về thời gian.

Điều kiện về nội dung, thứ nhất, người bị kết án phải chấp hành xong bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc hết thời hiệu thi hành bản án, bao gồm cả hình phạt chính và hình phạt bổ sung (phạt tiền, bồi thường thiệt hại, án phí...) hoặc các quyết định khác. Tuy nhiên, theo quy định của khoản 1 Điều 64 BLHS năm 1999 thì trong trường hợp người bị kết án được miễn hình phạt thì không đòi hỏi điều kiện này, mà chỉ cần điều kiện người bị kết án đó được Tòa án miễn hình phạt là đủ. Tuy nhiên về mặt kỹ thuật lập pháp thì cả BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999 quy định chưa thật sự phù hợp, có sự mâu thuẫn giữa

các khoản trong cùng một điều luật. Theo đó khoản 1 Điều 56 BLHS năm 1985 và khoản 1 Điều 67 BLHS năm 1999 quy định căn cứ để xóa án tích là chấp hành xong hình phạt chính, nhưng khoản 2 Điều 56 BLHS năm 1985 khoản 3 Điều 67 BLHS năm 1999 lại quy định việc chấp hành xong bản án là bao gồm việc chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án. Việc quy định như vậy không đảm bảo sự đồng nhất về mặt từ ngữ nên sẽ dẫn đến sự khác nhau trong cách hiểu và áp dụng trong thực tiễn; Thứ hai, người bị kết án theo bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án, đã chấp hành xong bản án hoặc đã hết thời hiệu thi hành bản án không phạm tội mới trong thời hạn do pháp luật quy định. Thời hạn này dài hay ngắn là phụ thuộc vào loại hình phạt và mức hình phạt mà Tòa án áp dụng với người phạm tội. Nó có thể là một năm, ba năm, năm năm hoặc bảy năm.

Điều kiện về mặt thời gian, điều này có nghĩa là người bị kết án chỉ được xóa án tích khi họ không phạm tội mới trong thời hạn mà pháp luật quy định:

- Trong trường hợp đương nhiên xóa án tích: thời hạn này được tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến thời hạn do Bộ luật hình sự quy định;

- Trong trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án: thời hạn được tính kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi Tòa án ra quyết định xóa án tích. Tòa án chỉ xem xét quyết định việc xóa án tích cho người bị kết án khi họ đã vượt qua được một khoảng thời gian mà pháp luật quy định. Trong trường hợp đặc biệt, Tòa án có thể rút ngắn thời hạn để xóa án tích.

Theo quy định của BLHS năm 1999, có thể đưa ra những điều kiện cụ thể mà người bị kết án đã đáp ứng được sẽ được xem xét xóa án tích như sau:

* Đối với trường hợp đương nhiên xóa án tích:

- Người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung(cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, tịch thu tài sản...) và các quyết định khác của Tòa án(bồi thường thiệt hại, án phí...).

- Người bị kết án không phạm tội mới trong thời hạn do pháp luật quy định. Thời hạn này tùy theo hình phạt mà người bị kết án phải gánh chịu. Cụ thể:

+ Một năm trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng được hưởng án treo;

+ Ba năm trong trường hợp hình phạt là tù đến 03 năm;

+ Năm năm trong trường hợp hình phạt là tù từ trên 03 năm đến 15 năm;

+ Bảy năm trong trường hợp hình phạt là tù từ trên 15 năm.

Về điều kiện để đương nhiên được xóa án tích thì giữa BLHS năm 1999 và BLHS năm 1985 có sự khác nhau ở một số điểm nhất định. BLHS năm 1985 chỉ cho phép đương nhiên xóa án tích đối với trường hợp người phạm tội mà mức hình phạt cao nhất là đến năm năm tù, còn những hình phạt trên năm năm tù thì thuộc đối tượng xóa án tích theo quyết định của Tòa án. Việc quy định như vậy là chưa thực sự hợp lý, có sự mâu thuẫn giữa các điều luật. Theo đó, khoản 3 Điều 53 quy định những đối tượng được đương nhiên xóa án tích là “người bị kết án không phải về tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia hoặc về tội phạm quy định ở Chương XII”. Tuy nhiên trong khoản 3 Điều 53 chỉ quy định thời gian đối với những tội mà có hình phạt đến năm năm. Tại điểm b khoản 2 Điều 54 BLHS năm 1985 quy định “đã bị phạt tù trên năm năm không kể về tội gì mà không phạm tội mới trong thời hạn mười năm, kể từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi việc thi hành bản án đã quá thời hiệu”. Như vậy sẽ xảy ra trường hợp có người bị kết án không phải về các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội quy định tại Chương XII nhưng vẫn không được đương nhiên xóa án. Đến BLHS năm 1999 thì những bất cập này đã được khắc phục và được quy định một cách cụ thể và hợp lý hơn.

- Đối với trường hợp mà người bị kết án phạm tội mới thì tội mới phải được xác định bằng bản án hình sự có hiệu lực pháp luật. Nếu người đã bị kết án đang bị truy tố về tội mới, thì phải đợi vụ án mới được xử lý xong mà người bị truy tố không bị kết tội thì mới được xem xét xóa án tích.

- Thời hạn để xóa án tích căn cứ vào hình phạt chính được tuyên trong bản án có hiệu lực pháp luật, nhưng nếu cấp Giám đốc thẩm đã giảm nhẹ hình phạt thì căn cứ vào quyết định của cấp Giám đốc thẩm. Thời hạn để xóa án tích đối

với người chưa thành niên bị kết án là một nửa thời hạn quy định đối với người thành niên (Điều 77 BLHS năm 1999).

* Đối với trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án

Đối với trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án thì người muốn được xóa án tích ngoài việc đáp ứng các điều kiện như của trường hợp đương nhiên xóa án tích thì họ còn phải đáp ứng thêm các điều kiện khác khắt khe hơn. Đó là thái độ của họ đối với pháp luật, người bị kết án phải có thái độ nghiêm chỉnh chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tích cực lao động cải tạo ở địa phương. Nếu như trong thời gian thử thách do pháp luật quy định mà họ lại bị xử phạt hành chính về những hình vi phạm tuy chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà không chịu sửa chữa thì sẽ bị coi là không chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Người bị kết án phải không phạm tội mới trong một khoảng thời gian nhất định, kể từ khi chấp hành xong hình phạt hoặc hết thời hiệu thi hành bản án. So với xóa án tích đương nhiên thì xóa án tích theo quyết định của Tòa án được quy định thời gian nghiêm khắc hơn. Cụ thể:

- + Ba năm trong trường hợp đã bị phạt tù đến 3 năm;
- + Bảy năm trong trường hợp đã bị phạt tù từ trên 3 năm đến 15 năm;
- + Mười năm trong trường hợp đã bị phạt tù trên 15.

Ngoài hai trường hợp xóa án tích nêu trên thì trong trường hợp đặc biệt, người bị kết án có những biểu hiện tiến bộ rõ rệt và đã lập công, được cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú đề nghị thì Tòa án có thể xóa án tích nếu người đó đảm bảo được ít nhất một phần ba thời hạn xóa án tích nói trên (Điều 66 BLHS năm 1999). So với BLHS năm 1985 thì thời hạn đã chấp hành hình phạt đã được rút ngắn lại. Ở BLHS năm 1985 thì thời hạn là chấp hành được từ 1/3 đến 1/2 hình phạt đã tuyên (Điều 55). Việc quy định như vậy thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước.

1.3.2. Thủ tục xóa án tích

Để được cấp giấy chứng nhận xóa án tích khi đáp ứng đầy đủ các điều

kiện về xóa án tích, thì người bị kết án cần tuân thủ các trình tự, thủ tục về xóa án tích mà Bộ luật hình sự quy định. Cụ thể như sau:

* Đối với trường hợp đương nhiên xóa án tích, thủ tục như sau:

- Khi đã có đủ những điều kiện quy định tại các Điều 64 và Điều 77 BLHS năm 1999, thì người đã bị kết án được đương nhiên xóa án tích tức là được coi như chưa bị kết án và được tòa án cấp giấy chứng nhận. Tuy nhiên, không phải ai đủ điều kiện xóa án tích thì Tòa án sẽ đương nhiên cấp giấy chứng nhận xóa án. Mà Tòa án chỉ cấp giấy chứng nhận cho những người có yêu cầu.

- Khi người bị kết án đương nhiên được xóa án tích, nếu cần cấp giấy chứng nhận xóa án tích thì làm đơn (Theo mẫu), kèm các tài liệu như giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù của trại giam nơi thụ hình án cấp; giấy xác nhận của cơ quan thi hành án dân sự về việc thi hành xong các khoản bồi thường, án phí, tiền phạt; giấy chứng nhận không phạm tội mới do Công an cấp huyện nơi người bị kết án thường trú cấp (theo mẫu quy định của ngành Công an), bản sao hộ khẩu; bản sao chứng minh nhân dân.

- Tòa án đã xét xử sơ thẩm là Tòa án có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận xóa án tích, hoặc ra Quyết định xóa án tích.

- Người xin xóa án tích nộp hồ sơ xin xóa án tích tại Tòa án đã xét xử sơ thẩm (có thể nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường Bưu điện).

- Người xin xóa án tích phải nộp lệ phí là 10.000 đồng.

* Đối với trường hợp xóa án tích do Tòa án quyết định thì thủ tục được quy định như sau:

- Việc xóa án tích do Tòa án quyết định được áp dụng đối với những trường hợp quy định tại Điều 65, 66 và Điều 77 BLHS năm 1999. Nếu người bị kết án có nhiều tiền án thì chỉ được xóa án tích khi họ đã chấp hành xong tất cả các bản án và phải có đầy đủ điều kiện về thời gian không phạm tội mới đối với tất cả các bản án.

- Người muốn xin xóa án tích phải làm đơn gửi cho Tòa án đã xử sơ thẩm và kèm theo đơn phải có những giấy tờ chứng minh họ có đủ những điều kiện

xóa án tích. Ngoài những giấy tờ, thủ tục như của trường hợp đương nhiên xóa án tích thì người xin xóa án tích theo quyết định của Tòa án phải có giấy chứng nhận của Ủy ban dân cấp xã nơi họ thường trú về thái độ chấp hành chính sách, pháp luật và thái độ lao động, cải tạo của họ ở địa phương.

- Chánh án kiểm tra những điều kiện được xóa án tích và nếu cần thì tiến hành những biện pháp xác minh. Nếu hồ sơ đầy đủ thì Chánh án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp để Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về người bị kết án có đủ điều kiện được xóa án tích hay không.

- Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm hoặc giám đốc thẩm đối với quyết định xóa án tích.

- Người bị Tòa án bác đơn xin xóa án tích lần đầu phải chờ 01 năm sau mới được xin xóa án tích. Nếu bị bác đơn lần thứ 2 thì phải sau 02 năm mới lại được xin xóa án tích. Những lần sau xin xóa án tích thì người đã bị kết án chỉ cần nộp thêm những giấy tờ chứng minh đã khắc phục những thiếu sót trước đây là nguyên nhân làm cho họ chưa được xóa án tích.

- Người xin xóa án tích phải nộp lệ phí là 10.000 đồng.

* Đối với trường hợp xóa án tích khi hết thời hiệu thi hành án và trường hợp không có khả năng chấp hành án về phạt tiền, bồi thường, án phí:

Nếu người bị kết án chưa chấp hành án mà hết thời hiệu thi hành án quy định tại Điều 55 BLHS năm 1999 mà họ không phạm tội mới trong thời gian quy định tại các Điều từ 64 đến 77 thì cũng được đương nhiên xóa án tích hoặc xóa án tích do Tòa án quyết định. Còn nếu họ chỉ được tạm hoãn thi hành án hoặc cố tình trốn tránh việc thi hành án thì không được hưởng thời hiệu về thi hành án và phải chấp hành hình phạt và án tích bình thường. Trong nhiều trường hợp sẽ bị xem xét để tăng nặng hình phạt.

Còn đối với trường hợp người bị kết án không có khả năng chấp hành án về phạt tiền, bồi thường, án phí: Nếu như người bị kết án không đủ khả năng chấp hành án nhưng họ đã không phạm tội mới trong thời hạn pháp luật quy định thì Tòa án có thể xem xét để xóa án tích cho họ. Trong những trường hợp này,

người xin xóa án tích phải có giấy chứng nhận của ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị kết án có hộ khẩu thường trú hoặc cơ quan nơi người đó đang làm việc là họ không có khả năng về kinh tế để chấp hành được bản án và việc xóa án tích cho họ được giải quyết như sau:

- Nếu người bị hại là tư nhân đồng ý không đòi bồi thường nữa, thì Tòa án ra quyết định xóa án tích trong đó xác nhận ý kiến của người bị hại không đòi bồi thường nữa; nếu người bị hại vẫn đòi bồi thường thì chưa được xóa án tích.

- Nếu là tiền phạt, tiền bồi thường hoặc án phí phải nộp cho Nhà nước thì trước khi quyết định xóa án tích phải xem xét và quyết định việc miễn chấp hành tiền phạt, tiền bồi thường hoặc tiền án phí cho người bị kết án nếu bản án đã có hiệu lực pháp luật được 10 năm. Sau đó mới xem xét, quyết định việc xóa án tích. Nếu chưa hết hạn đó thì chưa được xóa án tích.

Tiểu kết Chương 1

Trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự, các tài liệu liên quan, các quan điểm khác nhau của các nhà khoa học, các nhà làm luật. Trong Chương này, luận văn đã phân tích, làm rõ các quan điểm về án tích và hậu quả pháp lý của án tích, từ đó tác giả của luận văn góp phần làm rõ thêm lý luận về những vấn đề này và đưa ra khái niệm án tích, hậu quả pháp lý của án tích.

Từ kết quả nghiên cứu, phân tích các quan điểm của các nhà khoa học về xóa án tích, luận văn góp phần làm rõ thêm các khái niệm xóa án tích; Từ đó làm rõ ý nghĩa của xóa án tích (bao gồm cả ý nghĩa về mặt pháp lý và mặt xã hội). Đồng thời luận văn đã phân tích và làm rõ các điều kiện và thủ tục xóa án tích về mặt lý luận. Những vấn đề lý luận đã được nghiên cứu và trình bày trong Chương 1 sẽ làm nền tảng, cơ sở cho việc đi sâu vào phân tích, đánh giá các quy định về án tích và xóa án tích ở Chương 2 và Chương 3 của luận văn.

CHƯƠNG 2

QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VỀ XÓA ÁN TÍCH VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH

2.1. Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về án tích và xóa án tích

2.1.1. Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về án tích

Trên cơ sở BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 ra đời và ban hành nhiều quy định mới để phù hợp với điều kiện xã hội, cũng như tình hình tội phạm. Vấn đề xóa án tích đã được sửa đổi, bổ sung một cách khá đầy đủ và hoàn chỉnh để phù hợp với thực tế. Tuy nhiên, cũng như BLHS năm 1985 thì BLHS năm 1999 chưa đưa ra được một khái niệm thống nhất về án tích và xóa án tích. Tuy vậy, thông qua các quy định về xóa án tích được quy định từ Điều 63 đến Điều 67 BLHS năm 1999 cũng như khái niệm về án tích được phân tích ở Chương 1 thì chúng ta có thể hiểu “*Án tích là hậu quả pháp lý bất lợi áp dụng đối với người phạm tội bị Tòa án kết án và bị áp dụng hình phạt, án tích tồn tại trong một khoảng thời gian do pháp luật quy định*”.

2.1.2. Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về xóa án tích

Trước khi BLHS năm 1985 được ban hành, chế định án tích chưa được pháp điển hóa trong một văn bản pháp luật nào, khi BLHS được ban hành, chế định xóa án tích được ghi nhận trong Điều 3 và các Điều từ 52 đến 56 BLHS năm 1985. Đến BLHS năm 1999, vấn đề án tích được quy định trong khoản 5 Điều 63 đến Điều 67 BLHS năm 1999. Về cơ bản vấn đề xóa án tích trong BLHS 1985 và BLHS năm 1999 không thay đổi nhiều, thuật ngữ “xóa án” trong BLHS năm 1985 được thay bằng “xóa án tích” trong BLHS năm 1999.

2.1.2.1. Đương nhiên xóa án tích

Mặc dù BLHS chưa đưa ra khái niệm pháp lý thế nào là đương nhiên xóa án tích, nhưng thông qua các quy định của pháp luật về xóa án tích và các quan niệm phổ biến thì đương nhiên xóa án tích được hiểu là trường hợp người đã từng bị kết án sau khi chấp hành xong bản án họ không phạm tội mới trong thời

gian thử thách thì đương nhiên được xóa án tích mà không cần Tòa án xem xét và ra quyết định xóa án tích.

Đối với trường hợp đương nhiên được xóa án tích chỉ cần người bị kết án đáp ứng được đầy đủ điều kiện luật định và có yêu cầu xin cấp Giấy chứng nhận xóa án tích thì Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử họ có trách nhiệm xác minh các điều kiện đó và cấp giấy chứng nhận xóa án tích. Tuy nhiên, Tòa án chỉ cấp giấy chứng nhận xóa án tích cho những người được đương nhiên xóa án tích khi họ có yêu cầu chứ không phải tất cả những người đủ điều kiện.

Đương nhiên xóa án tích là trường hợp người bị kết án sau khi chấp hành xong bản án hình sự và có đủ các điều kiện mà luật quy định thì đương nhiên được xóa án tích. Những đối tượng được đương nhiên xóa án tích được quy định tại Điều 64 BLHS năm 1999 cụ thể như sau:

“1. Người được miễn hình phạt.

2. Người bị kết án không phải về các tội quy định tại Chương XI và Chương XXIV của Bộ luật này, nếu từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án người đó không phạm tội mới trong thời hạn sau đây:

a) Một năm trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng được hưởng án treo;

b) Ba năm trong trường hợp hình phạt là tù đến 03 năm;

c) Năm năm trong trường hợp hình phạt là tù từ trên 03 năm đến 15 năm;

d) Bảy năm trong trường hợp hình phạt là tù từ trên 15 năm”.

Trong trường hợp người được Tòa án miễn hình phạt thì đương nhiên được xóa án; Tuy nhiên, thời điểm xác định đương nhiên được xóa án là khi người đó đã chấp hành xong các quyết định khác của Tòa án như án phí hoặc bồi thường dân sự (nếu có) chứ không phải là tại thời điểm Tòa tuyên án.

Còn đối với trường hợp người bị kết án không phải về các tội xâm phạm an ninh quốc gia; các tội về phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh, nếu từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà người đó không phạm tội mới. Đối với trường hợp này, đương nhiên

được xóa án tích khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Một năm trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng được hưởng án treo;

- Ba năm trong trường hợp hình phạt là tù đến 03 năm;

- Năm năm trong trường hợp hình phạt là tù từ trên ba năm đến 15 năm;

- Bảy năm trong trường hợp hình phạt là tù từ trên 15 năm.

Như vậy, về phạm vi và thời hạn để được xóa án tích của BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999, có sự thay đổi đáng kể:

- *Về phạm vi:* So với Điều 53 BLHS năm 1985 thì Điều 64 BLHS năm 1999 mở rộng hơn phạm vi các tội thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích. Nếu như ở BLHS năm 1985 các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người thì không được đương nhiên xóa án tích, nhưng đến BLHS năm 1999 thì những tội liên quan đến lĩnh vực này đều được đương nhiên xóa án tích. Điều này cho thấy cách nhìn nhận và đánh giá về các hành vi nguy hiểm cho xã hội của pháp luật đã bắt đầu thay đổi.

- *Về thời gian:* So với BLHS năm 1985 thì BLHS năm 1999 có rút ngắn đáng kể thời hạn đương nhiên được xóa án tích. Chẳng hạn như trong trường hợp người bị kết án bị áp dụng hình phạt là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ thì thời hạn chỉ là 01 năm, cũng trường hợp này BLHS năm 1985 quy định thời hạn là 03 năm. Còn đối với trường hợp người bị kết án bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo thì BLHS năm 1985 quy định thời gian này là trùng với thời gian thử thách có nghĩa là nếu như hết thời gian thử thách mà người bị kết án không phạm tội mới thì đương nhiên sẽ được xóa án tích. Còn BLHS năm 1999 mở rộng hơn, theo đó thời hạn để xóa án tích là 01 năm sau khi hết thời gian thử thách. Còn đối với trường hợp hình phạt tù có thời hạn thì thời hạn để xóa án tích trong BLHS năm 1999 được quy định đầy đủ và cụ thể hơn. Cụ thể, trong BLHS năm 1985 chỉ quy định thời gian để xóa án tích chỉ áp dụng đối với hình phạt tù có thời hạn đến 05 năm, còn những hình phạt tù trên 05 năm thì lại không quy định nên gây khó khăn trong việc xóa án tích cho người có hình phạt trên 05

năm tù. Đến BLHS năm 1999 thì thời gian này được quy định cụ thể hơn đó là 03 năm trong trường hợp hình phạt là tù đến 03 năm; 05 năm trong trường hợp hình phạt là tù từ trên 03 năm đến 15 năm; 07 năm trong trường hợp hình phạt là tù từ trên 15 năm.

Các quy định trên của BLHS thể hiện sự thay đổi rõ rệt về chính sách hình sự. Theo đó, trong chính sách hình sự ngày càng thể hiện đậm chất tính nhân đạo, tôn trọng quyền con người, mục đích giáo dục con người ngày càng được nâng cao. Bên cạnh đó vẫn đảm bảo được tính nghiêm khắc của pháp luật, đảm bảo được tính phòng ngừa tội phạm. Một người phạm tội thì phải chịu hình phạt và sau khi chấp hành án xong họ vẫn phải mang án tích trong một thời gian nhất định. Việc quy định như vậy vừa đảm bảo tính phòng ngừa tội phạm đồng thời vẫn tạo cho người phạm tội một cơ hội để cải tạo, để tái hòa nhập cộng đồng, yên tâm sống, lao động, trở thành người có ích cho xã hội.

Căn cứ vào quy định tại Điều 64 BLHS năm 1999, thì có hai đối tượng đương nhiên được xóa án tích là:

Thứ nhất, người được miễn hình phạt. Theo quy định, án tích chỉ áp dụng đối với trường hợp người phạm tội bị Tòa án kết án và quyết định áp dụng hình phạt. Án tích được bắt đầu tính từ khi người bị kết án chấp hành xong hình phạt. Do vậy, người được miễn hình phạt thì đương nhiên họ sẽ không bị mang án tích. Do đó, không đặt ra vấn đề là Tòa án phải xem xét hay quyết định. Người được miễn hình phạt đương nhiên được xóa án tích, do vậy họ không phải chịu bất kỳ một hậu quả pháp lý bất lợi nào do án tích mang lại. Do đó, trong lý lịch tư pháp hay các giấy tờ khác của họ cũng không bị ghi là từng có “tiền án”.

Thứ hai, ở BLHS 1999 chỉ trừ những người bị kết án về “Các tội xâm phạm an ninh quốc gia” và “Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh” còn lại mọi tội phạm khác dù bị Tòa án tuyên án và áp dụng bất cứ hình phạt nào cũng thuộc đối tượng đương nhiên được xóa án tích. So với BLHS 1985 thì ở BLHS 1999 phạm vi những đối tượng đương nhiên được xóa án tích được mở rộng hơn.

Căn cứ vào Điều 64 BLHS năm 1999 thì chúng ta có thể hiểu có hai trường hợp được đương nhiên xóa án tích đó là trường hợp người phạm tội được miễn hình phạt và trường hợp phạm tội nhưng phải chấp hành hình phạt. Để được đương nhiên xóa án tích thì phải đáp ứng những điều kiện nhất định, cụ thể:

Đối với trường hợp đương nhiên xóa án tích do được miễn hình phạt: Pháp luật hình sự hiện hành không đưa ra các điều kiện kèm theo để được xóa án tích. Tuy nhiên, tại Thông tư liên ngành số 02/TTLN năm 1986 hướng dẫn thi hành xóa án tích đương nhiên được quy định trong BLHS năm 1986 thì người được miễn hình phạt được xóa án tích ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được hưởng án treo được xoá án nếu không phạm tội mới trong thời gian thử thách. Tuy nhiên, cũng cần chú ý là người bị kết án cũng chỉ được xoá án khi đã chấp hành xong những quyết định khác của bản án như: án phí, phạt tiền, bồi thường thiệt hại (nếu có)... nếu chưa chấp hành xong thì người bị kết án chưa được xoá án tích.

Ví dụ: A có hành vi loan truyền các thông tin bịa đặt nhằm hạ thấp uy tín đồng nghiệp của mình là B. Hành vi của A bị Tòa án xét xử về tội Vu khống theo khoản 1 Điều 122 BLHS năm 1999 nhưng được miễn hình phạt. Tuy nhiên, A bị áp dụng biện pháp tư pháp là: Buộc công khai xin lỗi và bồi thường tổn thất về tinh thần cho B là 5 triệu đồng. Ngày 10/8/2016 bản án tuyên phạt A có hiệu lực pháp luật nhưng đến ngày 15/8/2016 A mới công khai xin lỗi B, đến ngày 10/9/2016 A mới bồi thường cho B xong. Như vậy, thời điểm dùng để làm căn cứ đương nhiên xóa án tích cho A được tính từ ngày 10/9/2016. Bởi vì đến ngày 10/9/2016 A mới chấp hành xong tất cả các quyết định của Tòa án.

Đối với trường hợp đương nhiên xóa án tích theo quy định tại khoản 2 Điều 64 BLHS năm 1999 áp dụng cho những đối tượng bị kết án và bị áp dụng hình phạt. Để được đương nhiên xóa án tích trong trường hợp này thì người bị kết án phải hội tụ đủ hai điều kiện: *Một là*, họ không phạm các tội quy định tại Chương XI (Các tội xâm phạm an ninh quốc gia) và Chương XXIV (Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh) của BLHS năm 1999.

Hai là, Sau khi chấp hành xong bản án hoặc hết thời hiệu thi hành bản án người muốn xin xóa án tích phải không phạm tội mới trong một thời hạn do pháp luật quy định. Thời hạn thử thách này phụ thuộc vào loại hình phạt và mức hình phạt mà Tòa án áp dụng cho người bị kết án. Thời hạn này được tính từ khi người xin xóa án tích chấp hành xong hình phạt hoặc hết thời hiệu thi hành bản án. Nếu như hình phạt chính là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, án treo thì thời hạn xóa án tích là một năm. Đối với trường hợp phạt tù nhưng được hưởng án treo, thì BLHS 1999 quy định là một năm. Tuy nhiên, BLHS 1985 thì lại quy định thời gian thử thách và thời hạn xóa án tích là trùng nhau. Nhưng đến BLHS 1985 sửa đổi, bổ sung năm 1989 thì thời hạn này lại tăng lên là ba năm. Với quy định này khi so sánh với thời hạn đối với các hình phạt như cảnh cáo hay cải tạo không giam giữ thì nó lại nghiêm khắc hơn. Do vậy, khoản 2 Điều 64 BLHS năm 1999 quy định lại thời hạn một năm là phù hợp cả về mặt lý luận và thực tiễn. Bởi vì, những người phạm tội mà hình phạt bị áp dụng không phải là tù thì thuộc loại tội ít nghiêm trọng nên pháp luật cũng không cần thiết phải quá khắt khe. Do vậy, cần quy định thời gian bị mang án tích ngắn để tạo điều kiện cho người bị kết án sớm được tái hòa nhập cộng đồng, làm lại cuộc đời.

Ví dụ: Ngày 15/5/2013, A bị Tòa án đưa ra xét xử về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 và bị tuyên phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng. Thời gian thử thách được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trong trường hợp này, đến ngày 15/5/2015, A đã chấp hành xong thời gian thử thách án treo và không phạm tội mới tính đến ngày 15/5/2016. Trong trường hợp này thời gian thử thách án treo của A là 01 năm. Do đó, thời gian xóa án tích của A được tính từ ngày 15/5/2016.

Đối với hình phạt tù, thời hạn xóa án tích được quy định thành các mức khác nhau với mức độ tăng dần tương ứng với độ tăng lên của khung hình phạt.

- Ba năm trong trường hợp hình phạt là tù đến ba năm;
- Năm năm trong trường hợp hình phạt là tù từ trên 03 năm đến 15 năm;
- Bảy năm trong trường hợp hình phạt là tù từ trên 15 năm.

Ví dụ: Ngày 15/02/2008, A bị Tòa án đưa ra xét xử về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 133 BLHS năm 1999 và tuyên phạt 04 năm tù giam. Thời gian chấp hành án bắt đầu từ ngày 01/03/2008. Đến ngày 01/03/2012 A chấp hành xong bản án. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 64 BLHS năm 1999, thời hạn xóa án tích đối với A là 5 năm. Do đó, A được đương nhiên xóa án tích từ ngày 01/03/2017.

Từ quy định của pháp luật cho thấy hình phạt càng nặng thì thời hạn xóa án tích càng dài. Đây là quy định phù hợp với thực tiễn bởi những án mà càng nặng, tức là mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi là càng lớn và ý thức chống đối pháp luật càng cao. Cho nên, đối với những đối tượng này thì cần phải có thời gian dài để giáo dục, cải tạo. Do đó, cần kéo dài thời hạn xóa án để vừa thử thách người bị kết án vừa tạo điều kiện cho người bị kết án cải tạo, giúp họ ý thức thực sự về sự hoàn lương và ý thức nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật. Đồng thời thể hiện được tính nghiêm minh của hình phạt.

Khi đáp ứng đủ những điều kiện do pháp luật quy định (Điều 64 BLHS năm 1999), thì người đã bị kết án được đương nhiên xóa án tích và được coi như chưa phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án là cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận xóa án tích cho người đủ điều kiện khi họ có yêu cầu (Điều 270 BLTTHS năm 2003).

2.1.2.2. Xóa án tích theo quyết định của Tòa án

Xóa án tích theo quyết định của Tòa án chỉ áp dụng với người bị kết án về những tội được quy định tại Chương XI và XXIV của BLHS năm 1999. Xóa án tích theo quyết định của Tòa án khác với đương nhiên xóa án tích là người phạm tội chỉ được coi là đã được xóa án khi căn cứ vào các điều kiện do pháp luật quy định. Tòa án cấp giấy chứng nhận cho họ, để được thừa nhận xóa án tích (giấy chứng nhận của Tòa án là bắt buộc). Tuy nhiên, không phải trường hợp nào người phạm các tội đó cũng được xóa án tích mà phải căn cứ vào tính chất của tội phạm, nhân thân của người phạm tội, thái độ và thời gian thử thách của người đã chấp hành án xong. Tòa án có thể xem xét để cấp giấy chứng nhận xóa án tích

hoặc bác đơn xin xóa án tích của người bị kết án nếu xét thấy người đó chưa đủ điều kiện. Cụ thể:

Tại Điều 65 BLHS năm 1999 quy định: “1. Tòa án quyết định việc xóa án tích đối với những người đã bị kết án về các tội quy định tại Chương XI và Chương XXIV của Bộ luật này, căn cứ vào tính chất của tội phạm đã được thực hiện, nhân thân, thái độ chấp hành pháp luật và thái độ lao động của người bị kết án trong các trường hợp sau đây: a) Đã bị phạt tù đến ba năm mà không phạm tội mới trong thời hạn ba năm, kể từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án; b) Đã bị phạt tù từ trên ba năm đến mười lăm năm mà không phạm tội mới trong thời hạn bảy năm, kể từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án; c) Đã bị phạt tù trên mười lăm năm mà không phạm tội mới trong thời hạn mười năm, kể từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án. 2. Người bị Tòa án bác đơn xin xóa án tích lần đầu phải chờ một năm sau mới được xin xóa án tích; nếu bị bác đơn lần thứ hai trở đi thì phải sau hai năm mới được xin xóa án tích”.

Theo quy định tại Điều 65 BLHS năm 1999 thì những trường hợp phạm các tội xâm phạm an ninh quốc gia và các tội phạm phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh. Khi đã chấp hành xong bản án thì sau một thời gian nhất định, căn cứ vào tính chất của tội phạm đã thực hiện, nhân thân, thái độ chấp hành pháp luật, thái độ lao động của người bị kết án và có đủ các điều kiện mà luật quy định. Đồng thời phải làm đơn xin xóa án thì lúc đó mới được xóa án, việc xóa án phải do Tòa án quyết định.

Do mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi đối với những tội quy định tại Chương XI và XXIV rất cao, cũng như các quan hệ được luật bảo vệ ở hai chương này là đặc biệt quan trọng. Cho nên, so với quy định về đương nhiên được xóa án tích tại Điều 64, thì xóa án tích theo quyết định của Tòa án đòi hỏi thời gian thử thách dài hơn và điều kiện xem xét xóa án cũng chặt chẽ hơn. Các điều kiện và thủ tục xóa án tích tính theo quy định tại Điều 65 BLHS năm 1999 xuất phát từ tính chất nguy hiểm của tội phạm, yêu cầu của công tác đấu tranh

phòng ngừa tội phạm và chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta đối với những loại tội phạm này. Ngoài điều kiện bắt buộc là thời gian thử thách và không phạm tội mới trong thời gian thử thách. Một điều kiện nữa rất quan trọng để được Tòa án có quyết định xóa án tích cho người bị kết án hay không đó là dựa vào tính chất của tội phạm đã được thực hiện, nhân thân, thái độ chấp hành pháp luật và thái độ lao động của người bị kết án. Cụ thể như sau:

Một là, Tòa án xem xét căn cứ vào tính chất của tội phạm đã được thực hiện, nhân thân, thái độ chấp hành pháp luật và lao động của người bị kết án.

Đây được xem như là điều kiện đủ để Tòa án ra quyết định xóa án tích cho người bị kết án. Đồng thời, đây cũng là đặc điểm quan trọng nhất để phân biệt giữa đương nhiên xóa án tích và xóa án tích theo quyết định của Tòa án. Do vậy, để Tòa án đưa ra được một quyết định hợp lý, đúng pháp luật thì cần phải đánh giá một cách đầy đủ, toàn diện về tính chất của tội phạm đã thực hiện, nhân thân, thái độ chấp hành pháp luật và thái độ lao động của người bị kết án.

Để đánh giá tính chất, mức độ của tội phạm thì cần xem xét, đánh giá một cách tổng thể thông qua các yếu tố như: tính chất của khách thể bị xâm phạm, động cơ, mục đích, nguyên nhân, lỗi, công cụ phương tiện được sử dụng, hoàn cảnh thực hiện hành vi, hậu quả, cường độ của hành vi... Còn yếu tố nhân thân của người phạm tội thể hiện trong bản án của Tòa án như họ đã phạm tội gì, giữ vai trò như thế nào khi thực hiện tội phạm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thế nào, có tái phạm, tái phạm nguy hiểm không, thái độ ăn năn, hối cải ra sao.... Ngoài ra, còn cần phải xét đến việc nhân thân người phạm tội thay đổi như thế nào, tích cực hay tiêu cực sau khi chấp hành án xong. Còn về thái độ chấp hành pháp luật và thái độ lao động của người bị kết án thì sẽ được thể hiện trong bản nhận xét của cơ quan thi hành án hoặc ở giấy tờ xác nhận của cơ quan nhà nước nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú.

Vậy người như thế nào được coi là có thái độ chấp hành pháp luật và lao động tốt? Theo hướng dẫn tại Điều 3 Mục II Thông tư liên ngành số 02/1986 ngày 01 tháng 8 năm 1986 về việc xóa án thì: *“Chỉ coi là không chấp hành*

ngghiêm chỉnh chính sách, pháp luật, những trường hợp đã bị xử phạt hành chính về hành vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm về hình sự mà không chịu sửa chữa. Đối với những trường hợp chỉ là việc vi phạm nhỏ nhất thì không nên căn cứ vào đó mà không cho xóa án”. Theo đó, pháp luật chỉ liệt kê ra những hành vi nào bị coi là không chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật chứ không nói rõ chấp hành nghiêm chỉnh là như thế nào. Vậy chúng ta có thể suy đoán nếu không phạm vào những hành vi nêu trên thì đương nhiên được công nhận là chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Vì vậy, trên thực tế việc đánh giá và xem xét những yếu tố này khá mang tính chủ quan cá nhân, phụ thuộc lớn vào cách nhìn nhận, quan điểm xét xử cũng như trình độ chuyên môn của Thẩm phán khi giải quyết vụ án.

Hai là, người bị kết án không phạm tội mới trong thời hạn luật định từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án.

Tùy thuộc vào mức độ hình phạt mà BLHS năm 1999 quy định các mức thời hạn xóa án tích là khác nhau, cụ thể:

- Thời hạn là ba năm nếu bị phạt tù đến ba năm;
- Thời hạn là bảy năm nếu bị phạt tù từ trên ba năm đến mười lăm năm;
- Thời hạn là mười năm nếu bị phạt tù trên mười lăm năm.

So sánh với trường hợp đương nhiên xóa án tích thì thời hạn thử thách để xóa án tích theo quyết định của tòa án là dài hơn. Đối với trường hợp xóa án tích đương nhiên thì thời gian án tích tối thiểu là một năm, thời hạn tối đa là bảy năm. Trong khi đó xóa án tích theo quyết định của Tòa án thì thời hạn án tích tối thiểu là ba năm còn thời gian tối đa là hai mươi năm. Do mức độ nguy hiểm cho xã hội của những hành vi này cao hơn rất nhiều so với các trường hợp phạm tội trong trường hợp đương nhiên xóa án tích. Cho nên, việc quy định như vậy nhằm mục đích đấu tranh phòng ngừa tội phạm, thể hiện tính nghiêm khắc của pháp luật.

Ví dụ: Ngày 20/3/2006 A và B bị Tòa án đưa ra xét xử về các hành vi phạm tội của mình. Theo đó, A bị Tòa án tuyên phạt 05 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS năm 1999. B bị Tòa án

tuyên phạt 05 năm tù về tội “Chống phá trại giam” theo quy định tại khoản 2 Điều 90 BLHS năm 1999. Đến ngày 5/4/2006 cả A và B cùng bắt đầu chấp hành hình phạt. Đến 5/4/2011 thì thời hạn chấp hành hình phạt của A và B đã hết. A thuộc đối tượng đương nhiên được xóa án tích nên đến ngày 5/4/2016 thì A sẽ được đương nhiên xóa án tích. Còn B thuộc đối tượng xóa án tích theo quyết định của Tòa án nên phải đến 5/4/2018 B mới được quyền làm đơn xin xóa án.

Từ ví dụ trên cho thấy, mặc dù mức hình phạt là giống nhau nhưng loại tội phạm khác nhau nên thời gian để được xin xóa án tích là khác nhau.

Do mức độ nguy hiểm cho xã hội của những tội phạm thuộc Chương XI và Chương XXIV là rất cao. Nó xâm phạm đến an ninh quốc gia, xâm phạm đến các lợi ích mang tính nhân loại. Nên trong đường lối xử lý loại tội phạm này thường mang tính nghiêm khắc hơn so với các loại tội phạm khác. Cũng giống như những tội phạm khác, thì người bị kết án về các tội phạm thuộc Chương XI và Chương XXIV sau khi chấp hành xong hình phạt thì họ cũng bị mang án tích trong một khoảng thời gian nhất định. Tuy nhiên, so với tội phạm ở các Chương khác thì thời gian mang án tích của những người bị kết án về các tội ở Chương XI và Chương XXIV sẽ dài hơn. Nhưng khi nghiên cứu quy định của khoản 1 Điều 65 của BLHS năm 1999 thì lại không thấy quy định thời hạn xóa án tích đối với trường hợp bị áp dụng hình phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ. Phải chăng đây là sự thiếu sót của pháp luật? Điều này cũng dễ hiểu, đây không phải là sai sót của pháp luật mà thực tế khi xem xét các quy định về tội phạm thuộc Chương XI (từ Điều 78 đến Điều 92) và Chương XXIV (từ Điều 341 đến Điều 344) BLHS năm 1999, có thể thấy hình phạt được áp dụng đối với các tội phạm này đều là hình phạt tù có thời hạn trở lên. Đối với các tội quy định tại Chương XI thì mức hình phạt thấp nhất là 2 năm tù còn mức cao nhất là tử hình. Còn các tội quy định tại Chương XXIV thì mức hình phạt thấp nhất là 05 năm tù còn mức cao nhất là tử hình. Do vậy, nếu quy định thời gian xóa án tích đối với cả trường hợp áp dụng các hình phạt không phải tù sẽ bị thừa. Nên khoản 1 Điều 65 BLHS năm 1999 quy định như vậy là hoàn toàn hợp lý.

Từ sự phân tích trên cho thấy, pháp luật quy định các điều kiện để được xóa án tích theo quyết định của Tòa án chặt chẽ và phức tạp hơn nhiều so với trường hợp đương nhiên được xóa án tích. Đối với trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án ngoài việc cố gắng cải tạo, hoàn lương và hòa nhập với cuộc sống thì nó còn phụ thuộc vào sự nhìn nhận, đánh giá của Tòa án về những nỗ lực hoàn lương của người phạm tội. Tòa án phải xem xét, nhìn nhận, đánh giá một cách tổng quát về ý thức, thái độ, nỗ lực của người bị kết án, xem xét xem những gì mà người bị kết án thể hiện có đủ để minh chứng cho nỗ lực thực sự hoàn lương, mong muốn làm lại cuộc đời của họ hay không. Do vậy, sau khi xem xét một cách đầy đủ, vô tư, khách quan Tòa án có thể ra một trong hai quyết định sau. Nếu Tòa án chứng minh được rằng người bị kết án có đủ điều kiện và họ thực sự nỗ lực, cố gắng, ý thức cải tạo, hoàn lương của họ tốt thì Tòa án sẽ ra quyết định xóa án tích. Còn nếu Tòa án nhận thấy người bị kết án chưa thực sự ăn năn, hối cải và cần phải có thêm thời gian để thử thách người bị kết án thì Tòa án sẽ ra quyết định bác đơn xin xóa án tích. Do vậy, pháp luật sẽ quy định khoảng thời gian cụ thể để thử thách thêm ý thức hoàn lương của người bị kết án. Theo đó, tại khoản 2 Điều 65 BLHS năm 1999, “nếu bị Tòa án bác đơn xin xóa án tích lần đầu phải chờ sau 01 năm, nếu bị bác đơn lần hai trở đi thì phải sau 02 năm mới được xin xóa án tích lại”.

So sánh việc xin xóa án tích của trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án và xóa án tích đương nhiên có sự có sự khác nhau rõ rệt, một phần nào đó thể hiện được sự phân hóa tội phạm trong chính sách hình sự của Nhà nước ta. Theo đó, nếu người đương nhiên được xóa án tích xin xóa án tích bị trả lại đơn do chỉ vì chưa hết thời hạn xóa án tích thì chỉ cần đến thời điểm hết thời hạn xóa án tích là người đó đương nhiên có quyền nộp đơn xin xóa án tích và Tòa án sẽ cấp giấy chứng nhận xóa án tích cho họ khi họ đủ hồ sơ. Còn đối với trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án thì người bị từ chối cấp giấy chứng nhận xóa án tích phải sau một năm mới được làm đơn xin xóa án lại, bác đơn lần hai thì phải sau hai năm. Bộ luật hình sự quy định như vậy nhằm đảm

bảo người bị kết án thực sự tiến bộ trong cải tạo, đã nhận ra lỗi lầm của mình và tích cực mong muốn tái hòa nhập với cộng đồng. Việc xóa án tích theo quyết định của Tòa án được áp dụng đối với trường hợp quy định tại các Điều 54, 55 và 67 của BLHS năm 1999. Trên thực tế, có nhiều người cùng một lúc họ phải chấp hành nhiều bản án khác nhau. Do đó, đối với những người này thì chỉ xóa án tích cho họ khi họ đã chấp hành xong tất cả các bản án và phải có đầy đủ điều kiện về thời gian không phạm tội mới đối với tất cả các bản án.

So với các đối tượng thuộc trường hợp xóa án tích đương nhiên thì mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội thuộc các trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án là cao hơn rất nhiều. Do đó, thủ tục xóa án tích theo quyết định của Tòa án cũng phức tạp hơn trường hợp đương nhiên được xóa án tích. Điều 271 BLTTHS năm 2003 đã quy định:

“1. Trong những trường hợp quy định tại Điều 65 và Điều 66 của BLHS, việc xóa án tích do Tòa án quyết định. Người bị kết án phải có đơn gửi Tòa án đã xử sơ thẩm vụ án kèm theo nhận xét của chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi họ cư trú hoặc làm việc.

2. Chánh án Tòa án đã xử sơ thẩm chuyển tài liệu về việc xin xóa án tích cho Viện kiểm sát cùng cấp để phát biểu ý kiến bằng văn bản. Nếu xét thấy đủ điều kiện thì Chánh án ra quyết định xóa án tích; trong trường hợp chưa đủ điều kiện thì quyết định bác đơn xin xóa án tích.”

Như vậy, giấy tờ pháp lý chứng minh việc được xóa án tích trong trường hợp này là quyết định xóa án tích do tòa án cấp sơ thẩm cấp. So với thủ tục đương nhiên xóa án tích, thủ tục xóa án tích theo quyết định của Tòa án có những khác biệt như sau:

Thứ nhất, Tòa án có quyền ra quyết định xóa án tích cho những người bị kết án hoặc có quyền bác đơn xin xóa án tích của họ.

Thứ hai, nếu bị bác đơn xin xóa án tích lần đầu thì những lần sau xin xóa án tích, người xin xóa án phải chứng minh được mình đã khắc phục được những thiếu sót mà lần một yêu cầu.

Thứ ba, cần có ý kiến của Viện kiểm sát cùng cấp về người bị kết án có đủ điều kiện được xóa án tích hay chưa.

Thứ tư, quyết định xóa án tích của Tòa án có thể bị Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm hoặc giám đốc thẩm nếu phát hiện có sai sót.

Việc pháp luật quy định thủ tục xóa án tích theo quyết định của Tòa án với những người phạm tội thuộc Chương XI và Chương XXIV BLHS năm 1999 với những điều kiện và thủ tục vô cùng chặt chẽ, có sự phối hợp, tham khảo ý kiến của nhiều cơ quan khác nhau. Điều này thể hiện thái độ thận trọng của nhà nước đối với những loại tội phạm mà khách thể bị nó xâm phạm tới là cực kỳ quan trọng. Những quy định này vừa thể hiện chính sách nhân đạo hướng thiện vừa thể hiện chính sách phân hóa tội phạm cao độ của pháp luật hình sự nước ta.

Mặc dù, những người đó đã thực hiện những hành vi vô cùng nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến những khách thể quan trọng được pháp luật hình sự bảo vệ, mức độ ảnh hưởng rất lớn. Nhưng nhà nước ta vẫn không chặn đứng tất con đường hoàn lương của họ, mà pháp luật vẫn cho họ một cơ hội, một con đường để quay về, khích lệ, động viên nỗ lực cải tạo.

2.1.2.3. Xóa án tích trong trường hợp đặc biệt

Xóa án tích trong trường hợp đặc biệt là xóa án tích trước thời hạn trong một số trường hợp nhất định. Điều 66 BLHS năm 1999 quy định: "*Trong trường hợp người bị kết án có những biểu hiện tiến bộ rõ rệt và đã lập công, được cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú đề nghị, thì có thể được Tòa án xóa án tích nếu người đó đã đảm bảo được ít nhất 1/3 thời hạn quy định*".

Để động viên, khuyến khích người bị kết án tích cực cải tạo, nghiêm chỉnh chấp hành bản án, thì ngoài các hình thức xóa án nêu trên thì pháp luật hình sự còn quy định hình thức xóa án trong trường hợp đặc biệt. Nghĩa là sau khi chấp hành xong bản án, người bị kết án có những biểu hiện tiến bộ rõ rệt và đã lập được công lớn, được cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc chính quyền

địa phương nơi người đó thường trú đề nghị, thì có thể được Tòa án nơi xét xử quyết định xóa án tích, nhưng người đó phải đảm bảo ít nhất 1/3 thời hạn quy định tại Điều 64 và Điều 65 BLHS năm 1999.

Theo quy định tại điểm a Điều 11 Nghị quyết số 01/2000/NQ - HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 4/8/2000 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần chung của BLHS 1999 giải thích: “có những tiến bộ rõ rệt” là sau khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án người đó đã hòa nhập vào cộng đồng, tham gia làm ăn lương thiện, chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đã lập công và có thành tích xuất sắc trong cuộc sống, trong sản xuất, chiến đấu, học tập, công tác được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và đề nghị xóa án tích sớm hơn bình thường. Tuy nhiên, một điều cần lưu ý là việc xóa án tích trong trường hợp đặc biệt không phụ thuộc vào loại tội mà người bị kết án đã phạm là loại tội gì, tức là bao hàm cả trường hợp quy định ở Điều 65 và Điều 66 BLHS năm 1999.

Quy định trên thể hiện tính chất nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước ta. Tạo động lực thúc đẩy người có án tích cố gắng phấn đấu, rèn luyện, thể hiện quyết tâm trở lại cuộc sống lương thiện, làm một công dân có ích. Việc xóa án tích trước thời hạn trong điều kiện đặc biệt chỉ được thực hiện khi người đó đã chấp hành được ít nhất 1/3 thời gian thử thách và có đề nghị của cơ quan, tổ chức. Như vậy, việc xóa án tích trong trường hợp này đương nhiên trở thành xóa án tích theo quyết định của Tòa án. Nhưng so với xóa án tích theo quyết định của Tòa án trong trường hợp thông thường thì xóa án tích trong trường hợp đặc biệt thì thủ tục phức tạp hơn. Các cơ quan, tổ chức hoặc chính quyền địa phương có quyền đề nghị xóa án tích cho người bị kết án, chứ không có quyền quyết định. Quyền quyết định này thuộc về Tòa án, Tòa án có thể xóa án tích, cũng có thể không xóa án tích cho người bị kết án.

Việc quy định xóa án tích trong trường hợp đặc biệt của BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999 có sự khác nhau rõ rệt về thời gian để được xem xét xóa án. Ở BLHS năm 1985, người bị kết án chỉ có thể được xóa án tích sau khi người đó

đã đảm bảo ít nhất từ một phần ba đến một phần hai thời hạn quy định. Còn đến BLHS năm 1999 thì thời hạn này đã được rút ngắn lại, theo đó người bị kết án chỉ cần bảo đảm được ít nhất một phần ba thời hạn quy định là đã được xem xét xóa án tích. Việc rút ngắn thời gian thử thách vừa thể hiện sự thay đổi trong chính sách hình sự về tính nhân đạo, vừa để động viên, khuyến khích những người bị kết án tham gia vào những hoạt động xã hội có ích, giúp họ nhanh chóng hòa nhập cộng đồng.

Ví dụ: Tháng 2/2010 A bị Tòa án tuyên phạt 03 năm tù giam về tội Cường đoạt tài sản(khoản 1 Điều 135 BLHS năm 1999). Do cải tạo tốt nên đến tháng 8/2012 A được mãn hạn tù. Theo quy định của pháp luật thì thời gian mang án tích của A là 05 năm(8/2012-8/2017). Tháng 3/2016 A đã cứu được hai cháu bé trong một vụ hỏa hoạn. Như vậy, mặc dù A chưa hết thời gian thử thách nhưng do A đã lập được công lớn nên A có quyền làm đơn xin xóa án tích trước thời hạn. Thời hạn này được tính từ tháng 3/2016.

Một điều kiện bắt buộc để được xóa án tích trước thời hạn là phải có đề nghị của cơ quan, tổ chức nơi công tác hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú. Tuy nhiên, trên thực tế có nhiều trường hợp người bị kết án đã lập công hoặc có thành tích lớn trong lao động, sản xuất nhưng cơ quan, tổ chức hoặc chính quyền địa phương lại không chịu làm đơn đề nghị xóa án tích trước thời hạn cho họ. Đây cũng là một sự bất cập, vô hình chung phủ đi nỗ lực cố gắng hoàn lương của người bị kết án. Do đó, pháp luật cần nghiên cứu và có phương hướng giải quyết phù hợp thực hiện đúng tinh thần của chính sách nhân đạo vô cùng sâu sắc của pháp luật Việt Nam.

2.1.2.4. Xóa án tích đối với người chưa thành niên

Việc xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội được thực hiện theo quy định tại Điều 64 BLHS năm 1999. Tuy nhiên, thời hạn được xóa án tích đối với người chưa thành niên là 1/2 thời hạn so với những trường hợp của người đã thành niên. Nếu người chưa thành niên phạm tội không bị kết án mà chỉ áp dụng các biện pháp tư pháp thì không được coi là có án tích. Một điều đặc biệt

nữa đối với người chưa thành niên phạm tội là cho dù tội mà người đó phạm là loại tội gì thì cũng chỉ áp dụng đương nhiên xóa án tích.

Trong pháp luật hình sự thì người chưa thành niên là một loại đối tượng đặc biệt. Bởi vì, người chưa thành niên là những người chưa thực sự hoàn thiện cả về mặt thể chất và nhận thức, tâm lý của họ cũng chưa ổn định nên rất dễ bị kích động, dụ dỗ, sa ngã vào con đường sai trái. Chính vì lẽ đó nên đường lối xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội phải thực hiện theo nguyên tắc riêng. Các hình phạt áp dụng phải nhẹ hơn người thành niên, với mục đích giáo dục, răn đe là chủ yếu, đảm bảo tính nhân đạo cao nhất. Quy định về xóa án tích cũng vậy, cũng nhẹ hàng hơn, Điều 77 năm BLHS năm 1999 quy định như sau:

“1. Thời hạn để xóa án tích đối với người chưa thành niên là một phần hai thời hạn quy định tại Điều 64 của Bộ luật này.

2. Người chưa thành niên phạm tội, nếu được áp dụng những biện pháp tư pháp quy định tại khoản 1 Điều 70 luật này, thì không bị coi là có án tích.”

So với quy định tại Điều 67 BLHS năm 1985 thì quy định tại Điều 77 BLHS năm 1999 về cơ bản là tương tự nhau. Các điều kiện, trình tự thủ tục xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội cũng giống như xóa án tích đối với người thành niên phạm tội. Tuy nhiên, như đã phân tích thì người chưa thành niên là đối tượng đặc biệt của pháp luật hình sự. Do độ tuổi còn ít, sự va chạm xã hội chưa nhiều, nhận thức còn quá đơn giản, tâm lý dễ bị tác động nên mới dễ bị sa ngã. Đối với người chưa thành niên phạm tội thì phía trước họ còn cả một tương lai rất dài. Hơn nữa, so với người đã thành niên thì khả năng giáo dục, cải tạo đối với người chưa thành niên là cao hơn. Cho nên mục đích của việc xử lý người chưa thành niên phạm tội chủ yếu là nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa những sai lầm tạo điều kiện cho họ phát triển lành mạnh và trở thành người công dân tốt, có ích đối với xã hội. Để tạo cơ hội và điều kiện tốt nhất cho người chưa thành niên cải tạo, làm lại cuộc đời thì pháp luật quy định hình phạt áp dụng với họ cũng thấp hơn người đã thành niên. Ngoài ra, thời hạn để người chưa thành niên được xóa án tích cũng ngắn hơn rất nhiều so với người đã thành niên. Theo

quy định tại khoản 1 Điều 77 BLHS năm 1999, thời hạn để xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội chỉ bằng 1/2 thời hạn xóa án tích của người đã thành niên. Cụ thể như sau:

- + Sáu tháng đối với trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng được hưởng án treo;
- + Một năm sáu tháng đối với trường hợp bị phạt tù đến ba năm;
- + Hai năm sáu tháng đối với trường hợp bị phạt tù từ trên ba năm đến mười lăm năm;
- + Ba năm sáu tháng đối với trường hợp bị phạt tù từ trên mười lăm năm.

Điều 77 BLHS 1999 chỉ quy định về thời hạn xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội, nhưng không quy định rõ là người chưa thành niên phạm tội gì thì áp dụng quy định về thời hạn này. Vậy, vấn đề đặt ra là người chưa thành niên phạm các tội thuộc Chương XI, Chương XXIV thì có áp dụng quy định này hay không?

Mặc dù BLHS năm 1999 không quy định rõ, nhưng theo tinh thần của khoản 1 Điều 77 thì thời hạn xóa án tích đối với người chưa thành niên là 1/2 thời gian quy định tại Điều 64 năm BLHS thì đối với vấn đề xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội chỉ áp dụng đối với trường hợp đương nhiên xóa án tích mà không áp dụng với trường hợp do Tòa án quyết định. Ngoài ra, sẽ không đặt ra vấn đề xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội nếu họ được áp dụng các biện pháp tư pháp quy định tại khoản 1 Điều 70 BLHS năm 1999 như giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào trường giáo dưỡng.

2.1.2.5. Cách tính thời hạn xóa án tích

Một người khi thực hiện hành vi phạm tội và bị áp dụng hình phạt thì sau khi chấp hành án xong họ phải chịu cái gọi là án tích. Vậy, vấn đề đặt ra căn cứ dùng làm thời hạn xóa án tích, thời điểm dùng làm căn cứ xóa án tích được quy định như thế nào? Cách tính thời hạn xóa án tích giữa người đã thành niên và chưa thành niên có điểm gì giống và khác? Nhằm tạo cơ sở cho việc xác định thời hạn để xóa án tích, Điều 67 BLHS năm 1999 đã quy định cách tính thời hạn:

“1. Thời hạn để xóa án tích quy định tại Điều 64 và Điều 65 của Bộ luật này căn cứ vào hình phạt chính đã tuyên.

2. Nếu chưa được xóa án tích mà phạm tội mới, thì thời hạn để xóa án tích cũ tính từ ngày chấp hành xong bản án mới.

3. Việc chấp hành xong bản án bao gồm việc chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án.

4. Người được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại cũng được coi như đã chấp hành xong hình phạt.”

Để xác định thời gian xóa án tích thì cần dựa vào các căn cứ nhất định. Theo đó tại Điều 67 BLHS năm 1999 quy định, thời hạn để xóa án tích đối với cả trường hợp đương nhiên xóa án tích và xóa án tích theo quyết định của Tòa án là căn cứ vào hình phạt chính mà Tòa án đã tuyên đối với người phạm tội. Hình phạt chính phải là hình phạt chính thức và được ghi nhận trong bản án có hiệu lực của Tòa án có thẩm quyền tuyên. Hình phạt chính có thể là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, phạt tù nhưng được hưởng án treo hoặc phạt tù. Tùy từng loại hình phạt khác nhau mà xác định mức thời hạn khác nhau. Thời hạn này có thể là một năm, ba năm, năm năm, bảy năm hoặc mười năm. Hình phạt chính càng nặng thì thời hạn để xóa án tích sẽ càng lâu. Việc quy định lấy hình phạt chính làm căn cứ để tính thời hạn để xóa án tích là hoàn toàn phù hợp. Bởi vì, hình phạt chính là thể hiện sự đánh giá một cách đầy đủ và toàn diện nhất của Tòa án đối với hành vi phạm tội. Hơn nữa, bất kỳ một bản án kết tội nào của Tòa án cũng phải có hình phạt chính.

Như đã phân tích ở trên thì căn cứ để xóa án tích đó là hình phạt chính. Tuy nhiên khi nghiên cứu về vấn đề xóa án tích thì một vấn đề đặt ra là thời điểm tính án tích. Theo quy định tại khoản 1 Điều 67 BLHS năm 1999 quy định, thời hạn để xóa án tích căn cứ vào hình phạt chính, còn khoản 3 lại quy định: “chấp hành xong bản án không có nghĩa là chỉ chấp hành xong hình phạt chính, mà còn là hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án”. Như vậy có sự mâu thuẫn trong các quy định của điều luật này hay không? Có thể trả lời rằng không

có sự mâu thuẫn trong các điều luật. Vấn đề này, chúng ta có thể hiểu như sau: khoản 1 Điều 67 là quy định nội dung, quy định này xác định một cách cụ thể lượng thời gian để được xóa án tích. Thời gian để được xóa án tích đã được các nhà làm luật nghiên cứu dựa trên tính chất, mức độ của hình phạt chính mà Tòa án đã tuyên đối với người bị kết án. Còn khoản 3 Điều 67 BLHS năm 1999 chỉ giúp chúng ta xác định cách tính thời hạn, tức là chỉ rõ trường hợp nào thì sẽ lấy mốc nào. Bởi vì, trong một bản án đi cùng với hình phạt chính Tòa án có tuyên kèm theo một hình phạt bổ sung và các quyết định khác. Do vậy, thời điểm dùng làm căn cứ để xóa án tích được bắt đầu kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án, chứ không phải bắt đầu được tính kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính. Điều này được khẳng định một lần nữa theo quy định tại khoản 3 Điều 67 BLHS năm 1999 “Việc chấp hành xong bản án bao gồm việc chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án”.

Vậy, như thế nào được coi là đã chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác? Điều này được giải thích rõ tại điểm c Điều 11 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP. Chỉ được coi là chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án trong các trường hợp sau:

- Người bị kết án tự mình đã chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án;

- Người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung, còn các quyết định về tài sản trong bản án hình sự đã có người nộp thay cho người bị kết án (người thân đã bồi thường thay, đã nộp tiền án phí, tiền phạt thay cho người bị kết án...);

- Người bị xử phạt tù, nhưng được hưởng án treo đã chấp hành xong thời gian thử thách, trong trường hợp đã chấp hành xong hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án (nếu có).

- Người được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại được coi như đã chấp hành xong hình phạt..

Ví dụ: A có hành vi đổ những phẩm màu đã sử dụng vào việc sản xuất hàng mã ra sông, làm cho con sông bị ô nhiễm nặng, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. Với hành vi đó của mình A bị tòa án tuyên phạt 03 năm tù về tội Gây ô nhiễm nguồn nước(Điều 183 BLHS 1999) và bị phạt tiền 25 triệu đồng, phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Theo quy định tại khoản 2 Điều 64 BLHS năm 1999 thì A đương nhiên được xóa án tích, nếu hết thời hạn 05 năm kể từ ngày chấp hành xong tất cả các hình phạt trên mà không phạm tội mới chứ không phải kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính là 03 năm tù.

Ngày người đã bị kết án chấp hành xong bản án đã tuyên là ngày được dùng làm căn cứ thời hạn thử thách. Còn nếu trong thời gian thử thách mà người bị kết án lại tiếp tục phạm tội thì thời hạn này lại được tính lại từ đầu. Theo quy định của pháp luật nếu người bị kết án chưa được xóa án tích mà phạm tội mới thì thời hạn để xóa án tích cũ bắt đầu tính từ ngày chấp hành xong bản án mới. Vậy, “phạm tội mới” ở đây là phạm tội gì? có sự phân biệt giữa các loại tội hay không? “phạm tội mới” có nghĩa là người bị kết án thực hiện bất kỳ một tội phạm nào đã quy định trong BLHS và tội phạm này được thực hiện trong thời gian mang án tích. Việc một người đang trong thời gian thử thách mà lại tiếp tục phạm tội mới chứng tỏ người đó chưa thực sự nhận ra lỗi lầm của mình, chưa có ý thức cải tạo để trở về với cuộc sống bình thường. Do vậy, trong trường hợp này Nhà nước phải thể hiện tính nghiêm khắc của mình bằng việc bắt buộc người đó phải chấp nhận thử thách lại từ đầu, góp phần phát huy vai trò, ý nghĩa trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

So sánh quy định của BLHS năm 1999 với BLHS năm 1985 về cách tính thời hạn xóa án tích thì mặt nội dung thì quy định của Điều 67 BLHS năm 1999 không có gì khác so với quy định tại Điều 56 BLHS năm 1985. Tuy nhiên, về hình thức thì có một sự thay đổi nhất định về vị trí các khoản. Điều 67 BLHS năm 1999 hợp lý hơn bởi việc chuyển khoản 4 Điều 56 BLHS 1985 lên thành khoản 2 của Điều 67 BLHS năm 1999. Việc thay đổi này cho phép đối chiếu, so sánh dễ dàng hơn về cách tính thời hạn để xóa án tích trong trường hợp người đã

bị kết án không phạm tội mới trong thời gian thử thách với trường hợp chưa được xóa án tích mà phạm tội mới.

Ngoài căn cứ là chấp hành xong hình phạt mà pháp luật quy định dùng để làm căn cứ tính án tích thì còn một căn cứ nữa đó là thời hiệu thi hành bản án. Thời hiệu thi hành bản án hình sự là thời hạn do BLHS quy định mà khi hết thời hạn đó người bị kết án không phải chấp hành bản án đã tuyên (Điều 55 BLHS năm 1999). Việc hết thời hiệu thi hành bản án được hiểu là vì những lý do khách quan mà người bị kết án chưa thể chấp hành hình phạt được. Các lý do có thể kể đến như: được hoãn chấp hành hình phạt tù nhiều lần, do sự sơ suất của cơ quan có thẩm quyền... Đồng thời trong thời gian chưa chấp hành hình phạt đó người bị kết án không trốn khỏi địa phương, không phạm tội mới trong thời hạn luật định. Khi hết thời hạn này người bị kết án không phải chấp hành bản án đã tuyên nữa. Lúc này thời hạn mang án tích cũng được thực hiện như trường hợp đã chấp hành xong hình phạt.

2.2. Thực tiễn thi hành quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về xóa án tích tại tỉnh Bình Định

2.2.1. Tổng quan kết quả xóa án tích tại tỉnh Bình Định

Bình Định là tỉnh duyên hải miền Trung Việt Nam, với chiều dài 110 km theo hướng Bắc-Nam, chiều ngang hẹp (trung bình là 55 km). Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía Nam giáp tỉnh Phú Yên, phía Tây giáp tỉnh Gia Lai, phía Đông giáp Biển Đông. Điểm cực Đông là xã Nhơn Châu (Cù Lao Xanh) thuộc thành phố Quy Nhơn. Tỉnh có 11 đơn vị hành chính gồm 10 huyện và 01 thành phố. Với vị trí chiến lược cực kỳ quan trọng, Bình Định được xem là một trong những cửa ngõ thông ra biển của các tỉnh Tây Nguyên và vùng nam Lào. Bình Định còn được biết đến với các tiềm năng về du lịch. Có thể kể đến các điểm đến hấp dẫn như bán đảo Phương Mai, bãi tắm Hoàng Hậu, khu dã ngoại Trung Lương, Kỳ Co, Nhơn Lý, Quy Hoà, Bãi Dài... là nguồn tài nguyên thiên nhiên rất phong phú để phát triển du lịch. Bình Định có một quần thể di tích với những tên gọi đã trở nên quen thuộc như tháp Dương Long, Cánh Tiên, Bánh Ít, Tháp Đồi...

Về vị trí địa lý có thể hình dung Bình Định như một tâm điểm nối với các vùng du lịch của cả miền trung như Nha Trang, Plâyku, Hội An, Đà Nẵng, Huế đồng thời cũng là điểm nút giao thông nối với quốc lộ 19 - ngã ba Đông Dương, đường Hồ Chí Minh tạo điều kiện cho tỉnh phát triển du lịch biển gắn với du lịch núi và cao nguyên phát triển du lịch nội địa và du lịch quốc tế. Với những ưu đãi mà thiên nhiên mang lại trong thời gian gần đây nền kinh tế của Bình Định đã có những bước phát triển vượt bậc. Tuy nhiên, cùng với quá trình phát triển, Bình Định cũng nảy sinh nhiều vấn đề bức thiết cần giải quyết, trong đó có tình hình tội phạm diễn ra hết sức phức tạp, số vụ án xảy ra tuy có giảm qua hàng năm nhưng tính chất, mức độ nguy hiểm của các vụ án thì lại có xu hướng tăng cao. Điều này được thể hiện qua kết quả xử lý các vụ án hình sự ở TAND hai cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định trong năm năm qua như sau:

Bảng 2.1. Kết quả xử lý vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Bình Định

Năm	2013	2014	2015	2016	2017	Tổng cộng
Số vụ án	1.100	1.046	970	872	792	6.062
Số bị cáo	2.358	1.856	1.803	1.648	1.527	11.620

(Nguồn: Báo cáo thống kê của TAND hai cấp tỉnh Bình Định)

Theo báo cáo thống kê của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Bình Định thì tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh từ năm 2013 đến 2017 có xu hướng giảm đáng kể về số lượng vụ án. Tuy nhiên, về mức độ nguy hiểm của hành vi thì không giảm. Thông qua số lượng bị cáo chúng ta có thể nhận thấy cứ một vụ án có trung bình 2 bị cáo tham gia. So sánh giữa những vụ án phạm tội đơn lẻ và những vụ án phạm tội có tổ chức, phạm tội theo nhóm thì thấy những vụ án mà có tổ chức thì độ liều lĩnh nó sẽ cao hơn, tính chất vụ việc phức tạp hơn. Đặc biệt hậu quả xảy ra thường lớn hơn, thiệt hại xảy ra nhiều hơn.

Mặc dù diễn biến, tính chất của các hành vi vi phạm pháp luật hình sự trên địa bàn tỉnh Bình Định trong năm năm qua diễn ra rất phức tạp, số lượng người

phạm tội ngày càng tăng. Nhưng công tác xóa án tích vẫn được các cấp, ngành chú trọng, quan tâm, đảm bảo quyền lợi cho người chấp hành xong bản án tái hòa nhập cộng đồng, xóa bỏ mặc cảm, tự ty, yên tâm lao động, sản xuất sớm trở về tái hòa nhập cộng đồng trở thành người có ích cho xã hội.

Bảng 2.2. Số người được xóa án tích trên địa bàn tỉnh Bình Định

Năm	2013	2014	2015	2016	2017	Tổng cộng
Đương nhiên xóa án tích	22	31	41	37	42	173
Xóa án tích theo quyết định của Tòa án	00	01	01	00	02	04
Xóa án tích trong trường hợp đặc biệt	02	01	03	04	05	15
Tổng cộng						192

(Nguồn: Báo cáo của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Bình Định)

Từ sau khi triển khai thực hiện Nghị định số 80/2011/NĐ-CP quy định về các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong hình phạt. Theo báo cáo của Công an tỉnh Bình Định thì từ năm 2013 đến năm 2017 có 6.275 người chấp hành xong án phạt tù về cư trú tại tỉnh Bình Định. Trong đó có 389 người được giới thiệu việc làm; 176 người được hỗ trợ đào tạo nghề; 170 người được hỗ trợ vay vốn từ ngân hàng chính sách; 735 người được tư vấn tự tìm kiếm việc làm. Ngoài ra, một số được các tổ chức giúp đỡ vay vốn để ổn định cuộc sống, mở rộng sản xuất, kinh doanh. Đáng chú ý, Tỉnh đoàn Bình Định đã chỉ đạo Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giới thiệu việc làm Thanh niên tỉnh mở 2 lớp sơ cấp nghề (cơ khí-hàn) cho 30 phạm nhân. Bên cạnh đó, Trung tâm còn tổ chức tư vấn, hướng nghiệp cho 1.392 phạm nhân sắp chấp hành xong án phạt tù. Với đối tượng đặc thù này việc dạy nghề, hướng nghiệp có không ít khó khăn, nhưng ý thức được ý nghĩa của việc giúp thanh niên lầm lỡ sớm hòa nhập cộng đồng. Được sự quan tâm, giúp đỡ của các tổ chức đoàn thể,

của người thân nên những người chấp hành xong án phạt tù khi trở về địa phương đã có những thay đổi lớn về nhận thức. Có thái độ tích cực đối với chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Chấp hành tốt các quy định của địa phương, từ đó hạn chế tỷ lệ tái phạm và vi phạm pháp luật.

Trong quá trình thực hiện công tác tái hòa nhập cộng đồng, tại Bình Định đã xây dựng được những mô hình hay góp phần giúp người đã chấp hành xong án phạt tù sớm trở về tái hòa nhập cộng đồng, làm người có ích cho xã hội. Có thể kể đến mô hình “8+1” của phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn. Nhờ triển khai mô hình chặt chẽ, đồng bộ, có sự phối hợp của các đoàn thể, tùy đối tượng mà bố trí người giúp đỡ phù hợp nên tỉ lệ người chấp hành xong án phạt tù về địa phương tái phạm được kéo giảm dưới 10%. Nhiều trường hợp người lầm lỗi vươn lên làm ăn khá giả, tạo việc làm cho người khác, điển hình như bà Phùng Thị Thơ, anh Lê Văn Hạ. Ngoài phường Lê Lợi, còn nhiều địa phương khác cũng làm tốt công tác này, như phường Ngô Mây (TP. Quy Nhơn), phường Đập Đá (thị xã An Nhơn)... Các địa phương này nhiều lần tổ chức gặp mặt những người chấp hành xong án phạt tù về địa phương, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của họ và trong khả năng có thể, tạo điều kiện thuận lợi để họ hòa nhập tốt với cộng đồng. Điều đáng mừng là nhiều người đi tù về không trông chờ, ỷ lại sự giúp đỡ đó mà tự lực tìm kiếm việc làm, ổn định cuộc sống, trong đó có những người từng phạm tội nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng. Điển hình như anh Nguyễn Văn Nam ở khu vực Bả Canh, phường Bình Định (thị xã An Nhơn) từng bị xử phạt 20 năm tù giam về tội lưu hành tiền giả; anh Cao Thanh Vân ở xã Canh Vinh (Vân Canh) từng bị xử phạt 9 năm tù vì gây tai nạn làm chết nhiều người; anh Nguyễn Văn Thắng ở xã Ân Nghĩa (Hoài Ân). Không chỉ chăm lo lao động chân chính, nhiều trường hợp người chấp hành xong án phạt tù về địa phương còn tích cực tham gia giữ gìn an ninh trật tự, xem việc giúp ích cho xã hội, giúp đỡ người khác là cần thiết để góp phần bù đắp những lỗi lầm trước đây mình từng gây ra. Anh Cao Bay ở Diễn Khánh (Hoài Nhơn) là một trong những điển hình như thế. Sau khi chấp hành bản án 03 năm tù vì gây tai nạn rất nghiêm trọng, anh Bay về địa

phương tu chí làm ăn, làm lại cuộc đời. Anh 04 lần tham gia truy bắt trộm, cướp và hàng chục lần cứu người bị tai nạn trên quốc lộ 1A.

Bên cạnh những kết quả đạt được, các ngành chức năng của tỉnh cũng nhìn nhận, công tác tái hòa nhập cộng đồng vẫn còn nhiều khó khăn. Ở một số nơi, cấp ủy, chính quyền chưa thật sự quan tâm động viên, tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng này. Một bộ phận người dân còn tâm lý kỳ thị với người từng làm lỗi. Những yếu tố đó cộng với những tác động xấu ngoài xã hội, khiến một số người sau khi chấp hành án phạt tù về địa phương đã tái phạm.

Mặc dù vấn đề tái hòa nhập cộng đồng cho người sau khi chấp hành án xong tại Bình Định thực hiện khá tốt. Tuy nhiên, vấn đề xóa án tích lại chưa thực sự được quan tâm và thực hiện tốt. Cụ thể, trong 05 năm từ 2013-2017 có 6.275 người chấp hành xong án về cư trú tại địa phương nhưng chỉ có 192 người được xóa án tích, trong đó có 04 trường hợp được xóa án tích theo quyết định của tòa án, 15 trường hợp được xóa án tích trong trường hợp đặc biệt, 173 trường hợp đương nhiên xóa án tích. Qua số liệu báo cáo của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định có thể thấy vấn đề xoá tích chưa nhận được nhiều sự quan tâm của xã hội và của chính người bị kết án. Bởi vì, số người đủ điều kiện được xoá tích rất nhiều, nhưng số người yêu cầu được cấp giấy chứng nhận xoá án tích chiếm tỷ lệ rất ít; Số người có thể có đủ các điều kiện để được Tòa án xem xét ra quyết định xoá án tích cũng tương đối đông nhưng số người hoàn thiện đủ thủ tục để Tòa án xem xét ra Quyết định xoá án tích cũng rất hạn chế.

Trong tổng số những người xin xóa án tích thì chủ yếu vẫn là các trường hợp đương nhiên được xóa án tích. Các trường hợp được xóa án tích này chủ yếu tập trung ở các địa bàn như Tp. Quy Nhơn, An Nhơn, Phù Cát, Phù Mỹ. Còn ở các huyện miền núi như An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh số lượng người bị kết án được xóa án tích rất ít. Điều này cho thấy vấn đề xóa án tích cho người đã chấp hành xong án chưa thực sự được quan tâm. Tình trạng này là xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Vừa từ phía bản thân người bị kết án và cả từ phía cơ quan nhà nước có thẩm quyền về xóa án tích.

2.2.2. Những vi phạm, sai lầm trong xóa án tích tại tỉnh Bình Định và nguyên nhân

2.2.2.1. Những vi phạm, sai lầm

Thứ nhất, trong quá trình làm thủ tục cấp giấy chứng nhận xóa án tích cho người có yêu cầu thì giữa các Tòa án vẫn có sự hiểu không giống nhau về căn cứ để xóa án tích. Có tòa án thì xác định căn cứ để xóa án tích là từ khi chấp hành xong hình phạt chính, còn có Tòa án thì xác định là từ khi người bị kết án chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác. Như vậy, do cách hiểu khác nhau về thời điểm xóa án tích như vậy nên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị kết án. Đồng thời tạo ra sự không công bằng, xâm phạm đến quyền con người. Có thể kể đến một số trường hợp cụ thể sau:

Trường hợp 1: Tháng 6/2011 Trịnh Văn Hoàng Hải có hộ khẩu thường trú tại phường Nhơn Phú, TP. Quy Nhơn bị Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn tuyên phạt 03 năm tù giam về Tội trộm cắp tài sản(khoản 2 Điều 138 BLHS 1999). Bồi thường thiệt hại cho các bị hại số tiền 25 triệu đồng. Tuy nhiên, Hải chỉ mới bồi thường cho các nạn nhân với tổng số tiền là 15 triệu đồng. Do cải tạo tốt nên Hải được giảm thời hạn chấp hành hình phạt và đến tháng 10/2013 Hải được trả tự do. Đến tháng 02/2014 Hải mới bồi thường xong số tiền còn lại cho các nạn nhân. Tháng 10/2016 Hải đến TAND TP. Quy Nhơn để xin cấp giấy chứng nhận xóa án tích, nhưng bị từ chối vì lý do chưa hết thời gian thử thách. Mặc dù, Hải chấp hành xong hình phạt tù từ tháng 10/2013 nhưng đến tháng 02/2014 Hải mới chấp hành xong hình phạt bổ sung. Nên thời gian thử thách của Hải được tính từ tháng 02/2014 chứ không phải từ tháng 10/2013. Theo đó, đến tháng 02/2017 thì Hải mới được cấp giấy chứng nhận xóa án tích.

Trường hợp 2: Tháng 5/2011 Đinh Văn Bền có hộ khẩu thường trú tại xã An Toàn, huyện An Lão bị Tòa án nhân dân huyện An Lão tuyên phạt 03 năm tù giam về Tội hủy hoại rừng(khoản 1 Điều 189 BLHS 1999). Bồi thường thiệt hại cho Nhà nước số tiền 10.250.000 đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên anh Bền chưa thể bồi thường khoản tiền đó cho Nhà nước được. Tháng

9/2013 anh Bền được tha tù trước thời hạn. Đến tháng 03/2014 anh Bền mới bồi thường xong số tiền cho Nhà nước. Tháng 9/2016 anh Bền đến TAND huyện An Lão để xin được cấp giấy chứng nhận xóa án tích và được TAND huyện An Lão xem xét hồ sơ và xác nhận anh Bền đã hết thời gian thử thách nên Tòa án đã cấp giấy chứng nhận xóa án tích cho anh.

Từ hai trường hợp cụ thể trên cho thấy giữa TAND TP. Quy Nhơn và TAND huyện An Lão đã có sự hiểu khác nhau về căn cứ để xóa án tích. Theo đó, TAND TP. Quy Nhơn căn cứ vào việc người bị kết án chấp hành xong cả hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác. Trong khi đó TAND huyện An Lão lại chỉ căn cứ vào hình phạt chính. Trong hai vụ án trên về cơ bản là giống nhau, nhưng do cách hiểu khác nhau về căn cứ xóa án tích nên nó dẫn tới sự không công bằng. Theo đó, TAND huyện An Lão chỉ căn cứ vào hình phạt chính nên thời điểm tính để xóa án tích sẽ sớm hơn, còn TAND TP. Quy Nhơn thì căn cứ vào việc chấp hành xong cả hình phạt chính và hình phạt bổ sung nên thời điểm làm căn cứ để tính thời gian thử thách sẽ muộn hơn. Dẫn đến tình trạng cùng hình phạt như nhau, cùng thời gian thử thách như nhau, nhưng do cách hiểu giữa các tòa án khác nhau nên dẫn đến xâm phạm đến quyền lợi của người bị kết án, không đảm bảo được tính công bằng của pháp luật.

Thứ hai, việc cập nhật thông tin về người bị kết án còn thiếu và yếu. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có liên quan chưa chặt chẽ, thiếu đồng bộ. Giữa các cơ quan có liên quan còn có sự đùn đẩy trách nhiệm cho nhau. Thủ tục xin cấp giấy chứng nhận xóa án tích quá phức tạp, việc xác định thông tin và điều kiện xóa án tích của người có yêu cầu rất khó khăn nên thời gian thường bị kéo dài, làm ảnh hưởng đến tâm lý cũng như quyền lợi của người bị kết án.

Ví dụ: Trường hợp của anh Nguyễn Văn Nhượng trú tại xã Hoài Châu Bắc, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Tháng 8/2012 anh Nhượng bị TAND huyện Hoài Nhơn tuyên phạt 18 tháng tù giam về Tội vi phạm quy tắc về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ(khoản 1 Điều 202 BLHS 1999). Đến tháng 10/2013 anh Nhượng chấp hành án xong. Sau khi chấp hành án xong thì

anh Nhượng đi vào Bình Dương để lập nghiệp chứ không ở lại địa phương. Đến tháng 5/2017 vì lý do công việc nên anh Nhượng về sở Tư pháp tỉnh Bình Định xin cấp Phiếu lý lịch tư pháp, trong Phiếu lý lịch tư pháp ghi rõ là anh Nhượng đang có tiền án. Sau quá trình tìm hiểu thì anh Nhượng biết mình đã hết thời hạn mang án tích, nên anh Nhượng đã đến TAND huyện Hoài Nhơn để xin giấy chứng nhận xóa án tích. Khi đến tòa án làm thủ tục thì Chánh án TAND huyện Hoài Nhơn yêu cầu anh phải nộp giấy chứng nhận không phạm tội mới trong thời gian từ tháng 10/2013 đến tháng 10/2016 do công an huyện Hoài Nhơn cấp, thì mới được cấp giấy chứng nhận xóa án tích. Sau đó, anh Nhượng đã đến Công an huyện Hoài Nhơn để xin cấp giấy chứng nhận không phạm tội mới trong thời gian thử thách nhưng công an huyện Hoài Nhơn đã không cấp cho anh. Vì lý do, sau khi mãn hạn tù anh Nhượng đã rời khỏi địa phương đi làm ăn xa, không cư trú ở địa phương nên công an huyện không thể xác nhận là trong thời gian đó anh có phạm tội mới ở địa phương khác hay không. Sau đó, công an huyện Hoài Nhơn yêu cầu anh Nhượng phải đến địa phương, nơi anh Nhượng tạm trú trong thời gian từ tháng 10/2013 đến tháng 10/2016 xác nhận nhận anh không vi phạm pháp luật trong thời gian này. Có như vậy thì công an huyện Hoài Nhơn mới cấp giấy chứng nhận cho anh được. Sau đó, anh Nhượng phải quay vào Bình Dương xin giấy xác nhận của chính quyền địa phương và cơ quan anh làm việc về việc anh không vi phạm pháp luật trong thời gian anh cư trú và làm việc ở Bình Dương. Sau khi có được những giấy tờ đó thì anh mới được công an huyện Hoài Nhơn cấp giấy chứng nhận không phạm tội mới trong thời gian thử thách. Sau đó TAND huyện Hoài Nhơn mới cấp giấy chứng nhận xóa án tích cho anh. Sau khi có được giấy chứng nhận xóa án tích thì anh Nhượng phải đến Sở Tư pháp yêu cầu cấp lại Phiếu Lý lịch tư pháp. Lúc này trong Phiếu Lý lịch của anh mới được ghi là hiện không có tiền án, tiền sự.

Từ trường hợp của anh Nhượng cho thấy giữa Sở Tư pháp, Công an Huyện Hoài Nhơn, TAND huyện Hoài Nhơn, TAND tỉnh Bình Định chưa có sự phối hợp chặt chẽ với nhau trong việc cập nhật thông tin của người có án tích.

Dẫn đến thủ tục phiền hà, buộc người bị kết án phải đi lại nhiều lần, mệt mỏi, tốn kém, làm ảnh hưởng đến công việc, cuộc sống cũng như quyền lợi của người từng bị kết án, có thể dẫn đến tình trạng kiện tụng kéo dài.

Thứ ba, một số cán bộ Tòa án làm công tác xóa án tích còn yếu và thiếu về năng lực và phẩm chất nên có thái độ chậm trễ, coi thường, kỳ thị đối với người bị kết án. Vẫn còn hiện tượng gây khó khăn, những nhiễu, hạch sách nhằm vòi vĩnh người có nhu cầu xin cấp giấy chứng nhận xóa án tích.

Thứ tư, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như trong quá trình người bị kết án chấp hành án thì các cơ quan chức năng không có sự giải thích, tuyên truyền, giáo dục cho người bị kết án biết được những quyền lợi của họ sau khi chấp hành án xong. Đồng thời các cán bộ làm công tác cũng không giải thích cho người bị kết án hiểu án tích là gì và hậu quả pháp lý của án tích, cũng như thời hạn và điều kiện để được xóa án tích. Do vậy, nhiều người bị kết án cứ nghĩ rằng sau khi họ chấp hành xong án là xong. Mà họ hoàn toàn không biết các thủ tục để xóa án tích là như thế nào.

2.2.2.2. Nguyên nhân của những vi phạm, sai lầm

- Pháp luật chưa quy định cụ thể về xóa án tích

Bộ luật hình sự là một Bộ luật rất quan trọng, những quy định trong Bộ luật có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống pháp lý cũng như đời sống sinh học của một con người. Một trong những quy định ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống pháp lý của con người đó là chế định án tích. Án tích nó có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống, cũng như các hoạt động xã hội mà người có án tích tham gia. Các quy định của BLHS năm 1985 và kể cả BLHS năm 1999 về án tích chưa thực sự đầy đủ, một số quy định chưa rõ ràng, còn gây ra nhiều cách hiểu khác nhau. Tuy nhiên, từ khi BLHS ra đời cho đến nay vấn đề hướng dẫn thi hành xóa án tích chỉ được đề cập rải rác trong một số văn bản. Chưa có một văn bản pháp luật nào hướng dẫn thi hành một cách đầy đủ, toàn diện về vấn đề xóa án tích. Trước đây, vấn đề xóa án tích được đề cập đến trong một số Thông tư liên ngành như: Thông tư liên ngành số 02/TTLN ngày 01/8/1986; Thông tư liên ngành hướng dẫn bổ

sung số 03/TTLN ngày 15/7/1989 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an). Còn từ khi BLHS năm 1999 ra đời thì vấn đề xóa án tích được đề cập đến trong Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 4/8/2000 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao ban hành hướng dẫn áp dụng một số quy định của phần chung BLHS năm 1999. Trong Nghị định này có giải thích một số quy định về xóa án như cách tính thời hạn xóa án tích, điều kiện xóa án tích trong trường hợp đặc biệt.

Như vậy, đến thời điểm hiện nay vẫn chưa có một văn bản pháp luật nào hướng dẫn cụ thể về thủ tục xóa án tích. BLTTHS năm 2003 có quy định về thủ tục xóa án tích nhưng vẫn còn rất khái quát. BLHS năm 1999 ra đời và có hiệu lực thi hành trên thực tế trong một khoảng thời gian khá dài. Tuy nhiên, cho đến nay khái niệm án tích, xóa án tích, căn cứ xóa án tích vẫn chưa có sự hiểu thống nhất trong thực tiễn áp dụng cũng như giới nghiên cứu. Điều này đã gây ra rất nhiều khó khăn trong việc giải thích pháp luật cũng như công tác áp dụng pháp luật. Cho đến BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã có hiệu lực thi hành trong thực tế tuy nhiên các nhà làm luật vẫn chưa đưa ra một khái niệm cụ thể, rõ ràng về án tích, xóa án tích và những vấn đề khác có liên quan.

Trong quá trình áp dụng pháp luật nó nảy sinh một vấn đề, đó là thời điểm dùng làm căn cứ xác định xóa án tích đó là thời điểm nào? Có Tòa án thì xác định đó là thời điểm người bị kết án chấp hành xong hình phạt chính, có Tòa án thì lại xác định đó là từ khi người bị kết án chấp hành xong cả hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác. Điều này dẫn đến sự mâu thuẫn trong thực tiễn áp dụng, xâm phạm đến quyền lợi chính đáng của người bị kết án. Vấn đề này đã được giải quyết trong quy định của BLHS năm 2015, theo đó BLHS năm 2015 quy định rõ điều kiện để được xóa án tích là sau khi chấp hành xong bản án bao gồm cả hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác.

Đối với quy định đương nhiên được xóa án tích trong BLHS năm 1999 còn hạn chế quyền của người phạm tội, cụ thể: Tại Điều 63 BLHS năm 1999 quy định người được đương nhiên xóa án tích chỉ được xóa án tích khi có giấy chứng

nhận xóa án tích của Tòa án đã xét xử sơ thẩm. Trường hợp nếu không có giấy chứng nhận xóa án tích của Tòa án thì dù về nguyên tắc họ đã đảm bảo đủ điều kiện để được xóa án tích nhưng trên thực tế họ vẫn mang án tích. Từ đó nó sẽ dẫn đến một nghịch lý là hai người cùng phạm tội, cùng bị kết án và cùng chấp hành xong hình phạt và đảm bảo không phạm tội mới trong thời gian thử thách từ khi chấp hành xong bản án. Nhưng một người xin giấy chứng nhận xóa án tích còn một người thì không xin cấp giấy chứng nhận xóa án tích. Người đã xin cấp giấy chứng nhận xóa án tích sẽ được coi như chưa từng phạm tội và trong lý lịch sẽ được ghi là “không có tiền án”, sau này nếu họ phạm tội thì cũng không bị xem xét là tái phạm hay tái phạm nguy hiểm. Còn người không xin giấy chứng nhận xóa án tích thì trong lý lịch của họ vẫn bị ghi là “đang có tiền án” và nếu họ phạm tội mới thì họ sẽ bị coi là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Lúc này mức án của họ sẽ khác nhau. Trong thực tiễn giải quyết vụ án hình sự, không ít cơ quan tiến hành tố tụng chỉ quan tâm tới người phạm tội đã được xóa án hay chưa. Chứ ít quan tâm đến việc người phạm tội đã đủ điều kiện để được xóa án tích hay chưa. Việc xác định một người là đang còn án tích hay đã được xóa án tích nó liên quan đến việc xác định tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm hay tái phạm nguy hiểm, liên quan đến vấn đề định khung hình phạt và quyết định hình phạt. Đây là thực tế khiến không ít người phải chịu hậu quả do pháp luật quy định chưa rõ ràng, dẫn đến tình trạng oan sai, chính sách hình sự không đạt được. Những bất cập, hạn chế của BLHS năm 1999 về vấn đề này đã được giải quyết trong BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho họ cả về thời hạn, thủ tục và điều kiện để được xóa án tích. Theo đó, BLHS năm 2015 bỏ quy định cấp giấy chứng nhận xóa án tích của Tòa án mà giao việc này cho cơ sở quản lý dữ liệu tư pháp.

- Việc quản lý thông tin về người có án tích còn yếu

Để đáp ứng yêu cầu của thực tế xã hội nên Luật Lý lịch tư pháp năm 2010 đã mở rộng thẩm quyền cho Trung tâm lý lịch tư pháp. Theo đó, Trung tâm lý

lich tư pháp có nhiệm vụ tự động cập nhật lý lịch về xóa án tích đối với những trường hợp được đương nhiên xóa án tích. Tuy nhiên, trên thực tế việc cập nhật thông tin của người bị kết án còn nhiều hạn chế, dữ liệu thu thập được chưa kịp thời, đầy đủ, thiếu tính chủ động. Cho nên, trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự, khi cần xác minh thông tin về tiền án thì hầu hết chỉ nắm được nơi đối tượng cư trú thông qua trích lục được lấy từ Phòng hồ sơ của công an tỉnh, thành phố. Còn vấn đề người đó đã được xóa án tích hay chưa, trong thời gian mang án tích người đó có phạm tội mới không thì Trung tâm lý lịch tư pháp, thậm chí là cơ quan Điều tra cũng không nắm rõ. Với việc hạn chế trong việc cập nhật thông tin tư pháp như thế sẽ dẫn đến tốn rất nhiều thời gian cho việc xác định lý lịch của đối tượng. Đây cũng chính là một trong những nguyên nhân làm cho các vụ án bị quá hạn điều tra. Đồng thời, việc cập nhật thông tin chưa đầy đủ và kịp thời như vậy dẫn đến tình trạng bỏ lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội.

Ngoài ra, trong thủ tục xin xóa án tích (cả xóa án tích đương nhiên và xóa án tích theo quyết định của Tòa án) đều yêu cầu phải có giấy xác nhận của Công an cấp huyện nơi người đó thường trú về việc không phạm tội mới trong thời gian thử thách. Tuy nhiên, rất khó để nhận được giấy xác nhận này, bởi vì chính bản thân cơ quan công an cũng không đủ thông tin để chứng minh được họ có phạm tội mới hay không. Có nhiều trường hợp sau khi chấp hành xong bản án thì họ trở về địa phương sinh sống thì cơ quan công an còn có thể biết được họ có phạm tội mới hay không. Còn đối với những người mà sau khi chấp hành án xong họ rời khỏi nơi khác làm ăn, sinh sống thì rất khó để cơ quan công an xác minh được thông tin về họ. Điều này làm ảnh hưởng không nhỏ đến quyền lợi của người bị kết án.

Về cơ sở vật chất phục vụ công tác lưu trữ hồ sơ của các cơ quan tiến hành tố tụng hai cấp tỉnh Bình Định còn khá lạc hậu, cán bộ làm công tác sắp xếp, quản lý hồ sơ lưu trữ còn thiếu, hầu hết là phải kiêm nhiệm thêm các công việc khác nữa. Cán bộ chuyên trách làm công tác lưu trữ Tòa án nhân dân cấp tỉnh chỉ có 01 chuyên viên, với khối lượng công việc quá lớn, số lượng hồ sơ quá nhiều

nên trong quá trình lưu trữ không tránh được những sai lầm, thiếu sót. Vấn đề ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động lưu trữ còn rất lạc hậu và hạn chế. Nên hầu hết các hồ sơ vụ án đều được lưu trữ dưới dạng văn bản in. Vì vậy, việc sắp xếp, lưu trữ hồ sơ không bảo đảm, dẫn đến việc tra cứu tiền án rất khó khăn. Với số lượng các vụ án hàng năm ngày phức tạp, lượng hồ sơ lưu trữ ngày càng lớn, nhưng cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động lưu trữ chưa đáp ứng được yêu cầu. Bên cạnh đó các chế độ chi trả cho những người làm công tác lưu trữ chưa tương xứng. Do vậy, chất lượng của công tác lưu trữ còn nhiều hạn chế dẫn đến ảnh hưởng đến quyền lợi của người đã chấp hành xong bản án.

- Chưa có nhận thức đúng về xóa án tích

Việc một người bị mang án tích sẽ phải gánh chịu rất nhiều hậu quả bất lợi, bao gồm cả sự bất lợi về mặt pháp lý và mặt xã hội. Án tích sẽ cản trở rất nhiều những hoạt động mà người đó tham gia, một phần nào đó sẽ cản trở quá trình tái hòa nhập cộng đồng. Chỉ khi nào án tích được xóa thì mọi bất lợi đối với người bị kết án mới được gỡ bỏ. Tuy nhiên, khi nghiên cứu thực tế cả nước nói chung và địa bàn tỉnh Bình Định nói riêng cho thấy, số lượng người bị kết án đến Tòa án xin xóa án tích là rất ít. Qua đánh giá tình hình thực tế áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về xóa án tích ở Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định. Đồng thời, tiến hành trao đổi với những người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt đang trong thời gian thử thách hoặc đã hết thời gian thử thách về vấn đề xóa án tích, chúng ta có thể rút ra một số lý do chủ yếu như sau:

Thứ nhất: Công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật còn nhiều hạn chế, chưa được quan tâm đúng mức. Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và về xóa án tích nói riêng vẫn được tiến hành trên thực tế. Nhưng hiệu quả mang lại chưa cao, phương pháp tuyên truyền chưa phù hợp, còn nặng về hình thức, chưa thực sự đầu tư về chiều sâu, chất lượng của hoạt động tuyên truyền. Chính vì thế các quy định của pháp luật hình sự nói chung, quy định về xóa án tích nói riêng chưa tới được từng người bị kết án cũng như gia đình và người thân của họ. Từ thực tế công tác xóa án tích tại Tòa án

nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định cho thấy, đại đa số những người bị kết án, đã chấp hành xong hình phạt, có đầy đủ các điều kiện để được xóa án tích nhưng không làm thủ tục xin xóa án tích. Hàng năm số lượng người bị kết án lên đến con số hàng ngàn. Tuy nhiên, trong thời gian năm năm (từ 2013 đến 2017) mà trên toàn tỉnh Bình Định chỉ có 192 người đến Tòa án để làm thủ tục xin xóa án tích. Việc không xin xóa án tích của những người đã chấp hành xong án không phải là do họ không muốn được xóa án tích. Mà thực tế là họ không biết án tích là gì, hay nói cách khác bản thân người kết án không biết đến án tích, họ chỉ nghĩ đơn giản việc chấp hành xong hình phạt coi như trách nhiệm của họ đã hết. Hoặc bản thân người kết án có biết về án tích nhưng họ lại chưa hiểu đúng bản chất pháp lý của việc xóa án tích. Ngoài ra, thủ tục xin xóa án tích quá nhiều thủ tục, giấy tờ phức tạp, đặc biệt là xóa án tích theo quyết định của Tòa án. Cho nên, người có án tích nhìn nhận xóa án tích như một thủ tục hành chính phức tạp và thực tế người dân thường có cảm giác ngại hoặc sợ khi phải đối diện với những thủ tục này. Hơn nữa, những người đã có án tích thường có tâm lý mặc cảm với xã hội, họ không tự tin vào chính bản thân mình cho nên càng rất ngại đến Tòa án để làm thủ tục xin xóa án tích.

Thứ hai, ở Bình Định đặc biệt là các huyện miền núi như An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh thì đa số là người đồng bào dân tộc thiểu số như Ba Na, Chăm, Ê Đê... trình độ học vấn còn khá thấp, hiểu biết về pháp luật còn nhiều hạn chế, điều kiện vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn. Do vậy, tỷ lệ vi phạm pháp luật do thiếu hiểu biết là rất cao. Nhưng đa số người phạm tội sau khi chấp hành xong hình phạt thì họ lại quay về địa phương để sinh sống và sinh hoạt theo những tập tục của địa phương. Chứ họ ít được tuyên truyền, giáo dục về những vấn đề liên quan sau khi chấp hành xong hình phạt. Hay có tuyên truyền thì họ cũng không hiểu đó là gì. Do vậy, hầu hết người bị kết án sau khi chấp hành xong hình phạt thì không làm thủ tục để được xóa án tích khi có đủ điều kiện.

Không chỉ xuất phát từ nguyên nhân thiếu hiểu biết của người bị kết án mà ngay cả các cán bộ làm công tác xét xử cũng có sự hiểu không thống nhất về án

tích, xóa án tích, căn cứ, điều kiện xóa án tích, thời điểm tính để xóa án tích.

Thứ ba, một số quy định của BLHS và BLTTHS cũng chưa thực sự hợp lý. Sự phân loại tội phạm thành những loại tội khác nhau là cần thiết và phù hợp với đường lối phân hóa tội phạm trong chính sách hình sự Việt Nam. Nó còn liên quan đến vấn đề quyết định khung hình phạt. Mức độ nguy hiểm của hành vi càng cao thì hình phạt càng nặng. Tuy nhiên, việc phân loại tội phạm lại không cần thiết với người đã chấp hành xong hình phạt. Bởi vì, những người đã thực hiện những hành vi rất nguy hiểm cho xã hội thì họ đã bị trả giá bản hình phạt nặng hơn so với tội ít nghiêm trọng rồi. Với thời gian chấp hành hình phạt dài hơn như thế mà người bị kết án đã cố gắng cải tạo tốt, đã nhận ra lỗi lầm của mình, đã chấp hành án xong thì pháp luật cũng không nên quá khắt khe. Pháp luật nên tạo điều kiện, khuyến khích và tạo cơ hội cho người bị kết án để họ sớm được trở về tái hòa nhập cộng đồng. Do đó, theo tôi BLHS không cần quy định thành hai loại xóa án tích riêng biệt (đương nhiên xóa án tích và xóa án tích theo quyết định của Tòa án) mà chỉ cần quy định một loại xóa án tích. Tuy nhiên, tùy vào loại tội mà họ thực hiện, cũng như mức hình phạt mà họ phải chịu để quy định thời gian thử thách cũng như điều kiện xóa án đối với từng trường hợp. Nếu một người có đủ các điều kiện do pháp luật quy định thì coi như họ đã được xóa án tích. Thực tiễn công tác xét xử cho thấy, các cơ quan tiến hành tố tụng (Công an, Tòa án và Viện kiểm sát) chỉ quan tâm đến người phạm tội đã được xóa án tích hay chưa, vì nó liên quan đến việc xác định tình trạng tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm đối với người phạm tội, chứ không quan tâm đến việc họ đủ điều kiện để được xóa án tích hay chưa.

- Phẩm chất đạo đức cũng như năng lực chuyên môn của một số cán bộ, Thẩm phán Tòa án chưa cao

Số lượng các vụ án hình sự từ năm 2013-2017 tuy có giảm về số lượng nhưng lại tăng về tính chất phức tạp và mức độ nguy hiểm của tội phạm. Tuy nhiên số lượng cán bộ, Thẩm phán chưa đủ để đáp ứng nhu cầu, nhiệm vụ. Mỗi Thẩm phán hàng năm phải giải quyết một khối lượng vụ án rất lớn. Tuy nhiên

các chế độ chính sách đối với cán bộ Tòa án chưa tương xứng với tính chất và đặc thù công việc. Với việc một Thẩm phán phải giải quyết số lượng án quá lớn. Nên hầu hết các Thẩm phán chỉ tập trung giải quyết các vụ án một cách tốt nhất, sau khi tuyên án và bản án có hiệu lực là coi như trách nhiệm của Thẩm phán chấm dứt. Nên cán bộ Tòa án hầu như không quá quan tâm đến những vấn đề liên quan đến quyền lợi của người bị kết án sau khi họ đã chấp hành xong bản án. Ngoài ra, lãnh đạo một số đơn vị chưa thực sự phát huy được tinh thần trách nhiệm được giao, thiếu kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công vụ, năng lực quản lý và điều hành trong công việc còn hạn chế về kinh nghiệm. Vẫn còn một số cán bộ còn hạn chế về năng lực, trình độ, chấp hành kỷ luật công vụ chưa tốt nên hiệu quả công việc còn thấp, chưa chủ động trong công tác được giao. Do vấn đề quản lý chưa nghiêm và phẩm chất đạo đức của một số cán bộ chưa cao nên vẫn còn xảy ra hiện tượng theo cơ chế “xin-cho”. Một số cán bộ tòa án lợi dụng việc mình có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận xóa án tích cho những người đến xin xóa án tích nên xảy ra hiện tượng những nhiễu, vòi vĩnh gây khó khăn cho người đến xin Giấy chứng nhận xóa án tích.

Tiểu kết Chương 2

Trong chương 2, trên cơ sở những lý luận được trình bày ở Chương 1 luận văn đã tiến hành phân tích, đánh giá, so sánh các quy định về án tích, xóa án tích của BLHS năm 1999 so với BLHS năm 1985 và trước đó. Quan trọng nhất ở Chương này luận văn đã tập trung đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định của BLHS năm 1999 về xóa án tích trên địa bàn tỉnh Bình Định từ đó chỉ ra những bất cập, hạn chế và vướng mắc trong thực tiễn giải quyết vấn đề xóa án tích. Trên cơ sở phân tích những bất cập, hạn chế để tìm ra nguyên nhân, điều kiện dẫn đến hạn chế, bất cập. Từ đó, tạo điều kiện cho việc nghiên cứu đưa ra giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự nói chung và về xóa án tích nói riêng, đề xuất, kiến nghị giải pháp để việc áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về xóa án tích trong thời gian tới.

CHƯƠNG 3

QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 VỀ XÓA ÁN TÍCH VÀ CÁC GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO THI HÀNH ĐÚNG XÓA ÁN TÍCH

3.1. Quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về án tích và xóa án tích

3.1.1. Quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về án tích

Cũng như BLHS năm 1985, 1999 thì BLHS năm 2015 cũng không đưa ra một khái niệm cụ thể như thế nào là án tích. Tuy nhiên, thông qua các quy định về xóa án tích thì chúng ta cũng có thể hiểu án tích là gì. Các quy định về xóa án tích trong BLHS năm 2015 có nhiều điểm mới so với BLHS năm 1999, theo đó nó có sự khác biệt về chủ thể bị áp dụng án tích, các trường hợp bị mang án tích...Do vậy, khái niệm về án tích của BLHS năm 2015 sẽ có những điểm khác nhất định so với BLHS năm 1999. So với khái niệm án tích ở BLHS năm 1999 thì khái niệm án tích ở BLHS năm 2015 có những điểm khác biệt sau:

- *Thứ nhất*: Chủ thể bị mang án tích trong BLHS năm 1999 chỉ là cá nhân còn chủ thể bị mang án tích trong BLHS năm 2015 được mở rộng hơn, theo đó ngoài cá nhân thì pháp nhân thương mại khi phạm tội cũng bị mang án tích.

- *Thứ hai*: Về điều kiện mang án tích thì ở BLHS năm 1999, điều kiện bao gồm người đó bị kết án và bị áp dụng hình phạt, theo đó cá nhân phạm tội không phân biệt loại tội gì chỉ cần bị áp dụng hình phạt thì đều bị mang án tích. Còn BLHS năm 2015 thì phạm vi người bị áp dụng hình phạt được thu hẹp lại. Do vậy, điều kiện để mang án tích là bị kết án và bị áp dụng hình phạt đối với một số tội và một số chủ thể nhất định. Đối với cá nhân thì phải tùy vào yếu tố lỗi, loại tội mà họ phạm. Còn đối với pháp nhân thì cho dù tội phạm mà pháp nhân thực hiện là loại tội gì thì cũng đều mang án tích và thời hạn là 2 năm.

Từ sự phân tích trên ta có thể hiểu khái niệm án tích như sau: “*Án tích là hậu quả pháp lý bất lợi mà cá nhân hoặc pháp nhân thương mại phải gánh chịu*”

khi họ thực hiện một tội phạm bị Tòa án kết tội và quyết định áp dụng hình phạt trên cơ sở lỗi và loại tội mà họ thực hiện, mà theo quy định của pháp luật không thuộc trường hợp được coi là không có án tích”.

3.1.2. Quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về xóa án tích

Vấn đề xóa án tích được quy định tập trung tại Chương X của BLHS năm 2015 gồm 5 điều luật (từ Điều 69 đến Điều 73) và tại một số điều thuộc các chương khác của phần những quy định chung (Điều 89 quy định về xóa án tích đối với pháp nhân thương mại bị kết án và Điều 107 quy định về xóa án tích đối với người dưới 18 tuổi bị kết án).

Trên cơ sở những quy định của BLHS năm 1999 về xóa án tích, BLHS năm 2015 đã có những sửa đổi, bổ sung mới để đảm bảo với điều kiện thực tế, khắc phục những hạn chế của BLHS năm 1999 về xóa án tích. BLHS năm 2015 có nhiều điểm mới về xóa án tích. Cụ thể:

Thứ nhất: Tại khoản 2 Điều 69 quy định: “*Người bị kết án do lỗi vô ý về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và người được miễn hình phạt không bị coi là có án tích*”. Đây là một quy định hoàn toàn mới so với các BLHS trước đó. Quy định này cũng có nghĩa là người bị kết án trong những trường hợp này không bị coi là căn cứ để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm. Cũng không thuộc trường hợp được coi là dấu hiệu định tội của một số tội phạm có quy định về các trường hợp đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Đồng thời, quy định này cũng đã giải quyết được vấn đề cách hiểu đối với trường hợp đương nhiên được xóa án tích khi được miễn hình phạt của BLHS năm 1999. Vì, có trường hợp được miễn tất cả các hình phạt nhưng có trường hợp chỉ được miễn hình phạt chính. Vậy thời điểm được tính để xóa án tích là khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật hay là khi người bị kết án chấp hành xong các quyết định khác. Vấn đề này vẫn còn nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau. BLHS 2015 đã khắc phục được vấn đề này. Điều này thể hiện chính sách nhân đạo, hướng thiện của Nhà nước ta, tạo điều kiện cho những người bị kết án có điều kiện để sớm tái hòa nhập cộng đồng.

Thứ hai, khoản 2 Điều 70 của BLHS về trường hợp đương nhiên được xóa án tích thì giữ nguyên thời hạn một năm để được xóa án tích (đối với trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, phạt tù nhưng được hưởng án treo), đồng thời, rút ngắn thời hạn để được xóa án tích theo hướng còn hai năm đối với trường hợp bị phạt tù đến 5 năm; 3 năm đối với trường hợp bị phạt tù từ trên 5 năm đến 15 năm; và 5 năm đối với trường hợp bị phạt tù từ trên 15 năm, tù chung thân hoặc tử hình nhưng đã được giảm án.

Riêng trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt bổ sung là quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công dân mà thời hạn phải chấp hành dài hơn thời hạn nêu trên thì thời hạn đương nhiên được xóa án tích sẽ hết vào thời điểm người đó chấp hành xong hình phạt bổ sung.

Thứ ba, BLHS năm 2015 đã bỏ quy định Tòa án cấp giấy chứng nhận đương nhiên được xóa án tích cho người bị kết án. Đồng thời, giao trách nhiệm này cho Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp (LLTP) cập nhật thông tin về tình hình án tích của người bị kết án và cấp Phiếu LLTP xác nhận không có án tích cho người bị kết án khi họ có yêu cầu, nếu người có yêu cầu đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 2 hoặc 3 Điều 70 của BLHS. Việc pháp luật quy định chuyển thẩm quyền cấp giấy chứng nhận xóa án tích cho người đương nhiên được xóa án tích thuộc về cơ quan hành pháp. Điều này góp phần làm giảm bớt gánh nặng về công việc cho Tòa án, giúp các Thẩm phán có thêm thời gian để nghiên cứu, giải quyết các vụ án được tốt hơn.

Thứ tư, đối với trường hợp xóa án tích theo quy định của Tòa án, BLHS năm 2015 (Điều 71) về mặt tội danh vẫn giữ nguyên như BLHS năm 1999 nhưng có khác về thứ tự chương (BLHS năm 1999 là Chương XI và XXIV còn BLHS năm 2015 là Chương XIII và Chương XXVI). Tuy nhiên về mặt thời gian thì đã rút ngắn thời hạn xóa án tích và quy định thời điểm để tính thời hạn xóa án tích sớm hơn so với BLHS năm 1999 theo hướng còn 03 năm đối với trường hợp bị phạt tù đến 05 năm; 05 năm đối với trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15

năm; và 07 năm đối với trường hợp bị phạt tù từ trên 15 năm, tù chung thân hoặc tử hình nhưng đã được giảm án. Ngoài ra, BLHS năm 2015 còn bổ sung thêm trường hợp 01 năm đối với trường hợp bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ hoặc bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Thực hiện tinh thần của NQ 49/NĐ-TW về cải cách tư pháp đến năm 2020 theo tinh thần nhân đạo, hướng thiện nên BLHS năm 2015 đã sửa đổi theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho người bị kết án. Ngoài ra, ở Điều 71 BLHS năm 2015 còn sửa đổi cụm từ “nơi người đó thường trú” của BLHS năm 1999 thành “nơi người đó cư trú”. Việc quy định như vậy tạo điều kiện thuận lợi cho cả người bị kết án và cả những cơ quan có liên quan.

Thứ năm, đối với trường hợp người bị kết án chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội mới thì BLHS năm 2015 quy định thời điểm để tính thời hạn xóa án tích sớm hơn so với BLHS năm 1999 theo hướng “*kể từ khi người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt chính, thời gian thử thách án treo hoặc hết thời hiệu thi hành bản án*”. Trong khi đó BLHS năm 1999 quy định “*nếu chưa được xóa án tích mà phạm tội mới, thì thời hạn để xóa án tích cũ tính từ ngày chấp hành xong bản án mới*”. Việc quy định cách tính thời hạn để xóa án tích cho người bị án của BLHS năm 2015 rất có lợi cho người bị kết án, phù hợp với nguyên tắc của BLHS và tinh thần nhân đạo, hướng thiện của NQ 49/NĐ-TW.

Thứ sáu, khoản 2 Điều 69 và Điều 107 của BLHS năm 2015 quy định một cách cụ thể năm trường hợp người bị kết án không bị coi là có án tích. Những trường hợp đó lần lượt là: người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi bị kết án không kể về tội gì; người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý; người dưới 18 tuổi phạm tội bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng; người đã thành niên bị kết án do lỗi vô ý về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng; người được miễn hình phạt. Việc quy định này cũng là một điểm mới so với BLHS năm 1999.

Thứ bảy, BLHS năm 2015 lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp hình sự quy định chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại. Đồng thời với

trách nhiệm hình sự thì BLHS năm 2015 cũng đã bổ sung quy định mang án tích đối với pháp nhân. Tuy nhiên, pháp nhân thương mại chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về một số tội thuộc các Chương: các tội xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế(Chương XVIII), tội phạm về môi trường(Chương XIX), các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng(Chương XXI). Các tội mà pháp nhân thương mại phạm phải đều thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án. Thời hạn để được xóa án tích là hai năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà pháp nhân thương mại không thực hiện hành vi phạm tội mới(Điều 89). Đây là một điều hoàn toàn mới mà các BLHS trước đó chưa hề có.

Hầu hết các quy định về xóa án tích của BLHS năm 2015 đều thay cụm từ “*phạm tội mới*” bằng cụm từ “*thực hiện hành vi phạm tội mới*”, riêng khoản 2 Điều 73 BLHS năm 2015 sử dụng cụm từ “*thực hiện hành vi phạm tội mới*” và “*bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật*” vì đây là trường hợp tính lại thời hạn để xóa án tích.

So với quy định tại BLHS năm 1999, chế định về xóa án tích trong BLHS năm 2015(sửa đổi năm 2017) có một số nội dung thay đổi theo hướng có lợi cho người phạm tội và tháo gỡ các vướng mắc phát sinh qua thực tế áp dụng. Bên cạnh những điểm tiến bộ, tích cực của BLHS năm 2015(sửa đổi năm 2017) về xóa án tích thì nhìn ở góc độ chuyên môn và đối chiếu với các hoạt động tố tụng thực tế tôi thấy rằng một số quy định liên quan đến chế định này trong BLHS năm 2015 còn phát sinh nhiều cách hiểu khác nhau, cần có văn bản hướng dẫn thống nhất, kịp thời. Cụ thể:

Thứ nhất: Khoản 1 Điều 107 BLHS năm 2015 quy định về việc xóa án tích đối với người dưới 18 tuổi phạm tội như sau: “*người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý, được coi là không có án tích*”. Trong khi đó, tại khoản 7 Điều 91 BLHS năm 2015 lại quy định: “*Án đã tuyên đối với người chưa đủ 16 tuổi phạm tội, thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy*

hiểm”. Nghĩa là án đã tuyên đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi vẫn xem xét để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 53 BLHS năm 2015 thì căn cứ để xác định tái phạm hay tái phạm nguy hiểm là chưa được xóa án tích. Như vậy có mâu thuẫn không? Nếu theo quy định tại khoản 7 Điều 91 và Điều 53 BLHS năm 2015 thì những người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi phạm tội về bất kể tội gì đều mang án tích. Nhưng ngược lại nếu đối chiếu với điểm b khoản 1 Điều 107 BLHS năm 2015 thì không phải mọi trường hợp người đủ 16 đến dưới 18 tuổi phạm tội đều mang án tích. Theo quy định tại điều này thì chỉ những người nào phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng mới bị coi là có án tích và mới bị xem là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Đồng thời vấn đề này sẽ được hiểu như thế nào về áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết 144/2016/QH13 của Quốc hội.

Thứ hai, trong trường hợp nếu người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi đã bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng mà lại tiếp tục phạm một trong các tội mà trong cấu thành cơ bản có quy định dấu hiệu đã bị kết án về tội tương ứng hoặc cùng loại nhưng chưa được xóa án tích, thì việc định tội có được đặt ra hay không?

Ví dụ: A(17 tuổi) phạm tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 BLHS năm 2015 và bị xử phạt 02 năm tù. Mới chấp hành xong hình phạt, 03 tháng sau A lại có hành vi trộm cắp một chiếc điện thoại của B trị giá 1.200.000 đồng. Trong trường hợp này có thể xác định A phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 không?

Nếu theo khoản 1 Điều 107 thì tội mà A phạm thuộc loại tội ít nghiêm trọng nên không bị coi là có án tích. Do vậy, hành vi trộm cắp tài sản 1.200.000 đồng sau đó không bị coi là tái phạm. Hơn nữa theo quy định của BLHS thì nó chưa đủ điều kiện để truy cứu trách nhiệm hình sự. Nên vấn đề quyết định hình phạt không đặt ra. Ngược lại, khoản 7 Điều 91 quy định “ án đã tuyên đối với người chưa đủ 16 tuổi phạm tội, thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái

phạm nguy hiểm”. Điều này có nghĩa án đã tuyên với những người trên 16 tuổi phạm tội không kể về tội gì vẫn tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Cho nên trong trường hợp này hành vi trộm cắp tài sản của A vẫn được xem là tái phạm. A sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 về tội trộm cắp tài sản. Nên vấn đề quyết định hình phạt sẽ đặt ra.

Thứ ba, BLHS năm 2015 bỏ quy định Tòa án phải cấp giấy chứng nhận xóa án tích cho trường hợp được xóa án tích đương nhiên khi đủ điều kiện. Và chuyển toàn bộ hoạt động này cho Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về lý lịch tư pháp. Việc quy định như vậy nó sẽ làm giảm gánh nặng cho Tòa án nhưng lại tạo ra rất nhiều khó khăn cho Cơ quan quản lý dữ liệu về lý lịch tư pháp. BLHS quy định điều kiện để được xóa án tích là “*không phạm tội mới*”. Nhưng Luật Lý lịch tư pháp năm 2010 lại chưa quy định cụ thể cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về lý lịch tư pháp và Viện kiểm sát, Tòa án, Cơ quan điều tra và các cơ quan có liên quan trong việc cung cấp, cập nhật, xác minh thông tin về “thực hiện hành vi phạm tội mới” để xem xét đương nhiên xóa án tích của người bị kết án. Do vậy, để cấp giấy chứng nhận xóa án tích đúng cho người bị kết án đã chấp hành xong án thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về lý lịch tư pháp phải tiến hành xác minh các điều kiện của người bị kết án. Điều này so với Tòa án thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về lý lịch tư pháp bị hạn chế rất nhiều. Để thực hiện nhiệm vụ quản lý, theo dõi thông tin về điều kiện đương nhiên được xóa án tích của cá nhân theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu LLTP rất khó khăn vì cơ sở dữ liệu LLTP hiện nay không quản lý và lưu trữ các thông tin từ giai đoạn khởi tố mà chỉ lưu trữ, quản lý thông tin từ giai đoạn có bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, thời hạn để cấp Phiếu Lý lịch tư pháp là 15 ngày mà số lượng người xin cấp Phiếu lý lịch tư pháp là rất lớn. Do vậy, công tác xác minh gặp rất nhiều khó khăn. Cho nên, để thực hiện được đầy đủ quy trình cấp phiếu Lý lịch tư pháp cho người có nhu cầu thì rất khó đảm bảo về mặt thời gian do đó dẫn đến ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân. Đây là những

vấn đề cấp bách, có tính thực tiễn cao cho nên cần được nghiên cứu, trao đổi và kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền để có hướng dẫn áp dụng kịp thời.

3.2. Các giải pháp đảm bảo thi hành đúng chế định xóa án tích

Các quy định liên quan đến vấn đề xóa án tích được pháp điển hóa lần đầu tiên trong BLHS năm 1985. Đến BLHS năm 2015 thì các quy định về xóa án tích đã được quy định về cơ bản là tiến bộ, rõ ràng hơn về điều kiện, thủ tục, thời hạn xóa án tích được rút ngắn hơn, đối tượng được coi là không có án tích và được đương nhiên xóa án tích được mở rộng. Việc quy định như vậy hoàn toàn phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với nguyên tắc nhân đạo, nguyên tắc có lợi cho người phạm tội của BLHS. Đáp ứng được yêu cầu đổi mới được đề ra trong Nghị quyết 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về Cải cách tư pháp đến năm 2020. Tác giả hoàn toàn đồng ý với những gì quy định trong BLHS năm 2015 về xóa án tích, các quy định này cần được duy trì và hướng dẫn áp dụng pháp luật một cách thống nhất. Tuy nhiên, bên cạnh những điểm tích cực, tiến bộ thì các quy định về xóa án tích của BLHS năm 2015 vẫn còn bộ lộ một số mâu thuẫn, hạn chế nhất định như nêu trên. Trên cơ sở nghiên cứu về những điểm bất cập, hạn chế tác giả đưa ra một giải pháp để khắc phục, hoàn thiện như sau:

3.2.1. Hướng dẫn thi hành pháp luật và tiếp tục hoàn thiện pháp luật về xóa án tích

Thứ nhất, BLHS năm 2015 mở rộng đối tượng không có án tích lên thành 5 đối tượng bao gồm: “1.Người đã thành niên bị kết án do lỗi cố ý về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng; 2.Người được miễn hình phạt; 3.Người đủ 14 đến dưới 16 tuổi; 4.Người đủ 16 đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng do vô ý; 5.Người dưới 18 tuổi bị áp dụng các biện pháp tư pháp”. Đây là một quy định rất tiến bộ, do vậy cần phải quán triệt đầy đủ và đảm bảo thi hành đúng trong thực tiễn.

Thứ hai, Cần tiếp tục hoàn thiện hơn nữa các quy định trong các văn bản pháp luật liên quan để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, hệ thống, tránh tình trạng mâu thuẫn, chông chéo dẫn đến xâm phạm quyền của công dân. Do đó, tác

giả mạo dựa đề xuất cần sửa đổi một số luật liên quan, cụ thể như sau:

Đối với Luật Công an nhân dân cần bổ sung thêm vào phần nhiệm vụ của Công an nhân dân các cấp là phải thường xuyên cập nhật thông tin của người bị kết án, người chấp hành xong bản án, tình trạng phạm tội mới trong thời gian thử thách. Đồng thời phải theo dõi, giám sát, tuyên truyền, giáo dục cho người đã chấp hành xong bản án. Xác minh và cấp Giấy chứng nhận không phạm tội mới trong thời gian thử thách khi người bị kết án có yêu cầu.

Trong Luật thi hành án hình sự năm 2010 có quy định quyền của người bị giam giữ là được cung cấp các thông tin về thời sự, pháp luật. Do đó, cần có Nghị định hướng dẫn thi hành luật thi hành án hình sự năm 2010 theo hướng giải thích rõ chế định án tích là một nội dung bắt buộc trong việc giáo dục về pháp luật cho phạm nhân trong thời gian chấp hành án. Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm của Trại giam, Giám thị, phó Giám thị, Quản giáo trong việc giáo dục, phổ biến cho phạm nhân biết các quy định của pháp luật về chế định án tích.

Trong quá trình xét xử vụ án hình sự, Thẩm phán được phân công nhiệm vụ giải quyết chỉ tập trung vào việc tìm ra sự thật của vụ án và đưa ra kết quả phán xét cuối cùng bằng một bản án. Tuy nhiên, trong quá trình xét xử cũng như tuyên án Thẩm phán lại không giải thích cho bị cáo biết về việc sau khi chấp hành xong bản án họ sẽ bị mang án tích trong một thời gian nhất định. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho người bị kết án thì theo tác giả Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần ban hành Nghị quyết hướng dẫn thi hành về chế định án tích, theo đó buộc Thẩm phán phải giải thích cho bị cáo biết về chế định án tích và phải ghi rõ trong phần cuối của bản án (giống chế định án treo).

Thứ ba, BLHS năm 2015 vì những sai lầm trong kỹ thuật lập pháp nên phải hoãn thi hành, phải đến 01/01/2018 mới có hiệu lực. Do vậy, những quy định của Bộ luật hình sự về vấn đề xóa án tích còn rất mới. Nên không thể tránh được việc hiểu khác nhau trong một số vấn đề. Do đó, cần phải có các văn bản hướng dẫn thi hành về xóa án tích một cách thống nhất, đầy đủ, rõ ràng. Cụ thể, phải có Nghị định hướng dẫn thi hành Bộ luật hình sự 2015 về chế định án tích.

Theo đó, Nghị định phải nêu rõ những trường hợp nào bị coi là có án tích, căn cứ xác định án tích, thời hạn tính án tích, thủ tục xóa án tích, các trường hợp xóa án tích. Ngoài ra cần phải có Thông tư liên ngành giữa Tòa án-Viện kiểm sát-Bộ Công an và Bộ Tư pháp. Thông tư quy định rõ trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan này trong việc cập nhật thông tin tư pháp của người bị kết án.

Thứ tư, Cần quy định một cách rõ ràng, thống nhất về căn cứ để xóa án tích ở khoản 2 Điều 70 và khoản 1 Điều 73 BLHS năm 2015. Theo tác giả nên quy định một cách thống nhất căn cứ để tính thời hạn xóa án tích là sau khi chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác.

Thứ năm, Cần nghiên cứu, hoàn thiện, đảm bảo sự thống nhất về xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội, cũng như các quy định về xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm ở các Điều 53, khoản 7 Điều 91 và khoản 1 Điều 107 của BLHS năm 2015.

Theo quy định tại Điều 53 thì căn cứ để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm là chưa được xóa án tích. Khoản 7 Điều 91 quy định “án đã tuyên đối với người dưới 16 tuổi phạm tội không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm”. Điều này có nghĩa án đã tuyên đối với người trên 16 tuổi phạm tội sẽ bị tính là tái phạm, tái phạm nguy hiểm. Trong khi đó khoản 1 Điều 107 lại quy định: “Người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phạm tội; người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý, được coi là không có án tích”. Điều này có nghĩa là những người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi bị kết án về các tội rất nguy hiểm do cố ý hoặc đặc biệt nguy hiểm thì mới bị coi là có án tích. Như vậy, quy định giữa các điều luật này có sự mâu thuẫn với nhau rất lớn, việc quy định khoản 7 Điều 91 trở nên thừa. Do vậy, theo tác giả nên bỏ quy định ở khoản 7 Điều 91 thì sẽ hợp lý hơn.

Thứ sáu, Việc BLHS năm 2015 quy định bỏ việc cấp giấy chứng nhận đương nhiên xóa án tích cho người bị kết án, đồng thời giao trách nhiệm cho Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về lý lịch tư pháp. Do vậy, cần hoàn thiện các văn bản áp dụng luật Lý lịch tư pháp năm 2010 một cách thống nhất.

Trong luật Lý lịch tư pháp năm 2010 quy định 2 loại phiếu Lý lịch tư pháp. Đó là phiếu Lý lịch tư pháp số 1 và phiếu Lý lịch tư pháp số 2. Phiếu Lý lịch tư pháp số 1 dùng cho cá nhân trong vấn đề học tập, việc làm... Phiếu Lý lịch tư pháp số 2 dùng cho các cơ quan chức năng trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, hiện nay nhiều cơ quan, tổ chức lại yêu cầu cá nhân phải cung cấp Phiếu Lý lịch tư pháp số 2 trong quá trình làm việc hoặc học tập. Điều này làm ảnh hưởng không nhỏ đến cuộc sống và công việc của cá nhân. Do vậy, theo tác giả Bộ Tư pháp nên thống nhất quy định một loại Phiếu Lý lịch tư pháp và nên sử dụng Phiếu Lý lịch tư pháp số 1, bỏ Phiếu Lý lịch tư pháp số 2. Thay vào đó là quy định chế độ trách nhiệm phối hợp giữa cơ quan quản lý thông tin về lý lịch tư pháp và Công an trong quá trình điều tra, giải quyết vụ án.

Thứ bảy, lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp về hình sự, BLHS năm 2015 quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại. Đồng thời pháp nhân thương mại cũng phải chịu án tích nếu bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Do lần đầu tiên quy định nên không tránh khỏi việc hiểu sai, hiểu không thống nhất giữa các cơ quan áp dụng pháp luật. Cho nên các cơ quan lập pháp cần tiếp tục học hỏi kinh nghiệm của nước ngoài về chế độ trách nhiệm và xóa án tích đối với pháp nhân để từ đó hoàn thiện hơn nữa các quy định của pháp luật. Đồng thời, hiện tại phải có các văn bản hướng dẫn cụ thể về vấn đề án tích và xóa án tích đối với pháp nhân. Trong thời gian tới khi BLHS năm 2015 đã đi vào thực tế và ổn định, thì các nhà làm luật cần nghiên cứu tình hình diễn biến thực tế hành vi phạm tội của pháp nhân thương mại. Để có thể mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi chịu trách nhiệm của pháp nhân trên các lĩnh vực khác của đời sống xã hội mà pháp luật hình sự điều chỉnh đến.

3.2.2. Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật

Qua thực tiễn thực hiện công tác xóa án tích trong những năm qua cho thấy, hàng năm có rất ít người đến Tòa án để làm thủ tục xóa án tích. So với số lượng người bị kết án và chấp hành xong án hàng năm thì số người đi làm thủ tục xin xóa án tích chiếm tỷ lệ rất thấp. Bản thân người bị kết án, đã chấp hành xong

hình phạt, có đủ điều kiện xóa án nhưng vì những lý do khác nhau mà họ lại không làm đơn yêu cầu Tòa án cấp giấy chứng nhận hoặc quyết định xóa án tích. Điều đó gây không ít khó khăn cho các cơ quan áp dụng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, đặc biệt là khi cần xác định có tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm hay không. Trong thực tế có thể vì thiếu hiểu biết hoặc do tâm lý mặc cảm mà có rất ít người bị kết án sau khi chấp hành xong hình phạt và có đủ điều kiện để xóa án tích nhưng lại không đến tòa án để làm đơn xin xóa án tích. Cho nên, gây ra rất nhiều phiền phức và bất lợi cho người bị kết án sau này. Nhận thấy những bất cập trong quy định của BLHS năm 1999 về thủ tục cấp giấy xác nhận, tạo điều kiện thuận lợi cho người bị kết án nên BLHS năm 2015 đã bỏ quy định cấp giấy xác nhận xóa án tích, mà theo đó giao nhiệm vụ cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về tư pháp cập nhật thông tin về lý lịch tư pháp. Đây là quy định hoàn toàn mới nên cần phải tăng cường tuyên truyền, phổ biến một cách rộng rãi đến các tầng lớp nhân dân thông qua các hình thức khác nhau như: tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, báo, đài, tivi... thông qua các hoạt động cụ thể của các đoàn thể, tổ chức chính trị-xã hội. Nhằm giúp cho nhân dân cũng như người bị kết án hiểu rõ về các quy định của pháp luật về án tích. Nếu làm tốt được vấn đề này nó sẽ góp phần phát huy được giá trị và vai trò đích thực các chế định của BLHS nói chung và chế định xóa án tích nói riêng. Góp phần không nhỏ vào công tác đấu tranh, phòng ngừa và chống tội phạm trong điều kiện đổi mới của đất nước, làm cho đất nước ổn định và phát triển.

3.2.3. Nâng cao năng lực, trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền trong thi hành chế định xóa án tích

- Đối với Tòa án các cấp: Tòa án là cơ quan đại diện cho công lý, nên một phán quyết của Tòa án có ảnh hưởng rất lớn đời sống của một con người. Trong quá trình thực thi công vụ của mình Tòa án là người đại diện cho nhà nước, nhân danh nhà nước. Do vậy, để tạo ra sự công bằng xã hội, tạo dựng lòng tin cho nhân dân đối với công lý thì bắt buộc các phán quyết của Tòa án phải đúng pháp luật, công bằng, hợp tình, hợp lý. Để làm được điều đó thì trong hoạt động của

mình giữa các Tòa án cần có sự tập huấn, trao đổi kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ để thống nhất cách hiểu và đánh giá đúng đắn quy định về án tích và xoá án tích; quyền của người đã được xoá án tích. Thống nhất cách hiểu các thuật ngữ như: Án tích; tiền án; nhân thân..., thời điểm tính án tích, căn cứ xoá án tích. Tòa án cần nâng cao hơn nữa trách nhiệm của mình để đảm bảo áp dụng đúng căn cứ pháp luật, tạo sự công bằng cho người từng bị kết án đã được xoá án tích so với những người bị kết án chưa được xoá án tích. Thông qua đó góp phần khích lệ tinh thần phấn đấu, cải tạo của người bị kết án chưa được xoá án tích và bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người đã được xoá án tích. Đồng thời cũng theo dõi, nắm bắt kịp thời sự tiến bộ của người đang mang án tích. Để trên cơ sở quy định của pháp luật tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích động viên người đang có án tích cố gắng cải tạo, lập công lớn... để xem xét ra quyết định xoá án tích sớm cho họ khi họ đã chấp hành xong 1/3 thời hạn theo quy định. Việc Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật về án tích và xoá án tích đã góp phần không nhỏ vào sự công bằng xã hội, công lý được thiết lập và giữ vững. Đồng thời thông qua đó phát huy được tính nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam.

Ngoài ra, các Thẩm phán được phân công nhiệm vụ giải quyết vụ án, trong quá trình xét xử của mình phải nói rõ cho bị cáo biết về án tích, hậu quả pháp lý của án tích, loại tội mà bị cáo phạm thuộc trường hợp xoá án tích nào, thời gian thử thách cũng như thủ tục xoá án tích. Đồng thời phải ghi rõ tất cả những điều này trong bản án.

- Đối với Viện kiểm sát nhân dân các cấp: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình Viện kiểm sát cần tăng cường hơn nữa hoạt động kiểm sát các hoạt động tư pháp đối với các cơ quan tiến hành tố tụng. Đồng thời, giữa Viện kiểm sát và các cơ quan tiến hành tố tụng khác cần phải thường xuyên có các cuộc họp liên ngành để trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ, tháo gỡ những vướng mắc trong các quy định của pháp luật. Để từ đó có sự thống nhất, phối hợp với nhau trong công tác. Viện kiểm sát cần phải nghiên cứu kỹ các văn bản pháp luật và có cách hiểu thống nhất các thuật ngữ như: án tích, tiền án, nhân

thân... để trình bày trong bản cáo trạng cho phù hợp. Truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Đối với Cơ quan điều tra: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình cơ quan điều tra phải nắm rõ tình hình tội phạm, số người đã chấp hành án xong. Thường xuyên cập nhật thông tin về án tích của người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt. Cần xác định chính xác người nào đó bị kết án đã được xóa án tích hay chưa từ đó làm căn cứ xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm, định tội, định khung hình phạt... đảm bảo tính có căn cứ pháp luật và tạo sự công bằng xã hội. Bên cạnh đó, cơ quan điều tra cũng phải thường xuyên tổ chức rút kinh nghiệm điều tra, giải quyết vụ án, trao đổi, học tập kinh nghiệm. Đồng thời thống nhất xác định chính xác các thuật ngữ pháp lý như: án tích; tiền án; nhân thân để có cách trình bày trong bản kết luận điều tra cho phù hợp, đúng pháp luật. Đồng thời khi xem xét về nhân thân của người phạm tội phải tuyệt đối tuân thủ quy định đó là: người đã được xóa án tích coi như chưa bị kết án. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án cơ quan điều tra cũng phải giải thích rõ cho bị cáo, bị án biết rõ các quy định về án tích.

- Đối với Cơ quan quản lý dữ liệu lý lịch tư pháp: Cần đề cao trách nhiệm của mình và phải chủ động hơn nữa trong việc theo dõi, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan để cập nhật thông tin lý lịch tư pháp liên quan đến án tích một cách đầy đủ, kịp thời. Đặc biệt là việc xác minh các điều kiện đương nhiên xóa án tích để bảo đảm cấp Phiếu LLTP đúng thời hạn đối với trường hợp đương nhiên xóa án tích quy định trong BLHS và BLTTHS. Đối với các cán bộ trực tiếp làm công tác cập nhật thông tin lý lịch tư pháp phải được tập huấn thường xuyên để nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ.

- Đối với các cơ quan nhà nước khác có liên quan: Các cơ quan có liên quan như chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể, Mặt trận tổ quốc... Cần phải nâng cao trách nhiệm trong việc hiểu và thực hiện đúng quy định của pháp luật về án tích và xóa án tích, như trong xác định nhân thân, lý lịch tư pháp... Thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục

pháp luật cho các tầng lớp nhân dân cũng như các thành viên của tổ chức mình. Phối hợp nhịp nhàng với các cơ quan có liên quan về vấn đề lý lịch tư pháp của người có án tích. Đồng thời phải thường xuyên có những buổi trao đổi nghiệp vụ với các cơ quan tư pháp và cơ quan hành chính (Công an, Viện kiểm sát, Tòa án với UBND các cấp, đơn vị kinh tế, tổ chức xã hội). Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình các cơ quan chức năng cần tạo điều kiện tốt nhất để những người đã được xoá án tích rèn luyện, phấn đấu và hoà nhập tốt với cộng đồng. Loại bỏ dần ra khỏi xã hội thái độ kỳ thị, phân biệt đối xử với những người đã từng bị kết án để giúp họ xóa bỏ đi sự mặc cảm về quá khứ tội lỗi, để họ cải tạo trở thành những công dân có ích cho xã hội, không còn tái phạm.

Ngoài ra, các cơ quan nhà nước cần tạo điều kiện tuyển dụng, giới thiệu việc làm cho người bị kết án. Có các chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tiếp nhận những người đã chấp hành án xong vào làm việc. Nếu làm được như vậy, công tác xoá án tích sẽ đạt được hiệu quả cao. Khắc phục được những hạn chế, bất cập, vướng mắc. Công bằng xã hội sẽ được đảm bảo, công lý được phát huy. Đồng thời phát huy được vai trò, ý nghĩa của xoá án tích đối với người bị kết án, gia đình và xã hội.

3.2.4. Các giải pháp khác

Ngoài những giải pháp cần thiết được trình bày ở trên, để đảm bảo vấn đề xoá án tích được áp dụng đúng đắn và có hiệu quả trong cuộc sống thì còn có một số giải pháp khác như sau:

- Cần có sự thống kê, phân tích, đánh giá, phân loại tình hình tội phạm trên cả nước nói chung và trên từng địa bàn nói riêng. Để từ đó có các giải pháp đấu tranh phòng ngừa tội phạm được tốt hơn. Góp phần làm giảm bớt tỷ lệ tội phạm xảy ra đến thực tế. Khi tỷ lệ tội phạm giảm xuống thì số người bị kết án cũng giảm xuống, vấn đề xoá án tích cũng đương nhiên giảm.

- Đẩy mạnh hơn nữa việc bổ sung và hoàn thiện tổ chức bộ máy của các cơ quan chức năng. Trong điều kiện xã hội phức tạp, có nhiều cám dỗ như ngày nay thì vấn đề cấp thiết là phải xây dựng được đội ngũ cán bộ Tòa án trong sạch,

vững mạnh, đảm bảo phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ... đặc biệt là đối với đội ngũ Thẩm phán. Có chính sách đãi ngộ, phụ cấp thỏa đáng đối với các cán bộ làm công tác xét xử.

- Chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan và tranh thủ sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng nhằm tạo điều kiện cho các Tòa án cũng như cơ quan quản lý dữ liệu lý lịch tư pháp khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Cần sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật thi hành án hình sự, Luật lý lịch tư pháp,... để phù hợp với các quy định của BLHS năm 2015 nói chung và vấn đề xóa án tích nói riêng.

- Tăng cường hơn nữa cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho việc cập nhật thông tin về lý lịch tư pháp. Đặc biệt việc sử dụng công nghệ trong việc cập nhật thông tin và chế độ bảo mật thông tin. Đồng thời, phải có chế độ đãi ngộ xứng đáng với những người làm công tác lưu trữ, cập nhật thông tin, dữ liệu tư pháp.

Ngoài ra, vấn đề cải cách tiền lương cũng là một vấn đề quan trọng. Nếu chính sách tiền lương tốt đảm bảo được cuộc sống cho bản thân và gia đình những người liên quan đến công tác xét xử. Thì họ sẽ yên tâm công tác và có trách nhiệm hơn đối với công việc của mình và chất lượng công việc sẽ được nâng cao. Quyền lợi của người bị kết án sẽ được đảm bảo hơn.

Tiểu kết Chương 3

Trong chương này, trên cơ sở phân lý luận được trình bày ở Chương 1 luận văn đi sâu làm rõ khái niệm về án tích và xóa án tích. Đồng thời làm rõ các quy định của BLHS năm 2015 về xóa án tích, chỉ ra các điểm mới, tiến bộ của BLHS năm 2015 về xóa án tích so với BLHS năm 1999. Ngoài ra, luận văn dựa trên nghiên cứu ở Chương 2 về thực trạng thi hành xóa án tích tại Bình Định và những quy định của BLHS năm 2015 được nghiên cứu ở Chương này để từ đó đề ra các giải pháp đảm bảo thi hành đúng như: Hướng dẫn thi hành pháp luật và hoàn thiện pháp luật; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật; Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước cơ thẩm quyền trong việc xóa án tích và một số giải pháp khác.

KẾT LUẬN

Xóa án tích là một chế định rất quan trọng được quy định trong Bộ luật hình sự. Nó liên quan đến quyền lợi hợp pháp của người bị kết án sau khi đã chấp hành xong hình phạt. Nếu như sau khi chấp hành xong hình phạt mà người bị kết án có thái độ ăn năn, hối cải, tự giác chấp hành pháp luật một cách tích cực thì các quyền công dân của họ sớm được khôi phục. Còn nếu như họ chưa thực sự nhận ra lỗi lầm của mình, vẫn tiếp tục thực hiện hành vi sai trái thì không những các quyền công dân của họ không được khôi phục mà họ còn phải chịu trách nhiệm nặng nề hơn. Việc nghiên cứu các khái niệm về án tích, xóa án tích, hậu quả pháp lý của án tích, ý nghĩa của xóa án tích, cũng như thực trạng áp dụng xóa án tích trên địa bàn tỉnh Bình Định có ý nghĩa rất lớn trong việc xây dựng và thực hiện chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta. Thông qua việc nghiên cứu các quy định của pháp luật về xóa án tích và có sự so sánh các quy định đó giữa các BLHS năm 1985, 1999 và 2015. Từ đó chỉ ra những điểm hạn chế trong các quy định của pháp luật qua các thời kỳ để thấy được những sự thay đổi trong chính sách hình sự phù hợp với yêu cầu của thực tế xã hội. Thông qua việc nghiên cứu của mình tác giả cũng mong muốn đưa ra một cách hiểu đúng và thống nhất về án tích và xóa án tích. Đồng thời thông qua việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn về vấn đề xóa án tích trên địa bàn tỉnh Bình Định tác giả cũng góp phần chỉ ra những điểm tiến bộ và hạn chế trong các quy định về xóa án tích được quy định trong BLHS năm 2015. Từ đó, đưa ra một số giải pháp góp phần đảm bảo thi hành đúng pháp luật.

Với những hiểu biết còn hạn hẹp và sự nghiên cứu chưa thực sự sâu sắc nên bài viết chắc chắn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Chính vì vậy, tác giả kính mong quý Thầy, Cô xem xét và góp ý kiến để luận văn được đầy đủ và hoàn thiện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Anh (2009), *Giáo Trình Luật hình sự Việt Nam*, Nhà xuất bản giáo dục, Hà Nội.
2. Trần Văn Biên và Đinh Thế Hưng (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự hình sự 2015*, Nhà xuất bản thế giới, TP. Hồ Chí Minh.
3. Trần Văn Biên và Đinh Thế Hưng (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017*, Nhà xuất bản thế giới, TP. Hồ Chí Minh.
4. Bộ Nội vụ - Bộ Tư pháp - Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Thông tư liên ngành số 02/TTLN ngày 01 tháng 8 năm 1986 về việc xóa án.
5. Bộ Nội vụ - Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng, Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.
6. Bộ Tư pháp, Viện khoa học pháp lý (2006), *Từ điển Luật học*, Nhà xuất bản Tư Pháp, Hà Nội.
7. Lê Cẩm (2005), *Sách chuyên khảo sau đại học những vấn đề cơ bản trong khoa học Luật hình sự, khoa Luật đại học Quốc gia Hà Nội*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
8. Chính phủ, *Nghị định số 111/2010/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật lý lịch tư pháp*.
9. Nguyễn Cao Cường (2015), *Chế định xóa án tích theo luật hình sự Việt*, Luận văn thạc sĩ, khoa luật, Đại học quốc gia Hà Nội.
10. Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, V/v hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015, Hà Nội.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật*

Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, Hà Nội.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
13. Luật gia Nguyễn Ngọc Điệp (2009), *3450 Thập ngữ pháp lý phổ thông*, Nhà xuất bản *Giao thông vận tải*, Thành phố Hồ Chí Minh.
14. Nguyễn Thị Hương Giang (2017), *Xóa án tích theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Phú Thọ*, Luận văn thạc sĩ, khoa luật, học viện khoa học xã hội, Hà Nội.
15. Phạm Hồng Hải (2001), *Một vài ý kiến về chế định tái phạm, tái phạm nguy hiểm theo quy định trong Bộ luật hình sự 1999*, tạp chí Tòa án nhân dân (số 04), trang 14.
16. Phạm Thị Học (2010), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
17. Nguyễn Ngọc Hòa (2006), *Từ điển pháp luật hình sự*, Nhà xuất bản Tư Pháp, Hà Nội.
18. Nguyễn Ngọc Hòa (2010), *Mô hình Luật hình sự Việt Nam*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
19. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2000), *Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/08/2000 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999*, Hà Nội.
20. Luật gia Trương Minh Hưởng (2007), *Tìm hiểu bộ luật hình sự nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành*, Nhà xuất bản lao động, Hà Nội.
21. Vũ Duy Khang (tổng hợp), (2017), *So sánh đối chiếu Bộ luật hình sự 1999, 2015 và Bộ luật hình sự sửa đổi năm 2017*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
22. Nguyễn Thị Lan (2003), *Chế định xóa án tích trong luật hình sự Việt Nam*, Khóa luận tốt nghiệp, khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
23. Ưông Chu Lưu (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự Việt Nam năm*

- 1999, tập 1, phần chung, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
24. Trần Đình Nhã (2001), *Bình luận khoa học về Bộ luật hình sự Việt Nam 1999*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 25. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 (Phần chung)*, Nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh.
 26. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1985*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 27. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 28. Quốc Hội (2006), *Bộ luật tố tụng hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 29. Quốc hội(2009), *Bộ luật tố tụng Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2003*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 30. Quốc hội(2009), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự 1999*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 31. Quốc hội(2010), *Luật lý lịch tư pháp của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam năm 2010*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 32. Quốc hội (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 33. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015*, sửa đổi năm 2017, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 34. Hồ Sỹ Sơn (2001), *Án tích theo Bộ luật hình sự Việt Nam 1999*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, Hà Nội.
 35. Nguyễn Hồng Sơn (2017), *Xóa án tích theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi*, Luận văn thạc sĩ, khoa luật, học viện khoa học xã hội.
 36. Phan Văn Trình (2017), *Xóa án tích theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*, Luận văn thạc sĩ, khoa luật, học viện khoa học xã hội.

37. Thông tư số 53/2012/TT-BCA ngày 15/8/2012 của Bộ công an ban hành quy định tiêu chuẩn chính trị của cán bộ, chiến sỹ công an nhân dân.
38. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định(2013), *Báo cáo tổng kết năm 2011 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2012*, Bình Định.
39. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định(2014), *Báo cáo tổng kết năm 2012 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2013*, Bình Định.
40. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định(2015), *Báo cáo tổng kết năm 2013 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2014*, Bình Định.
41. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định(2016), *Báo cáo tổng kết năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2017*, Bình Định.
42. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định(2017), *Báo cáo tổng kết năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2018*, Bình Định.
43. Võ Khánh Vinh (2013), *Giáo trình Lý luận chung về định tội danh*, Nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà Nội.
44. Võ Khánh Vinh (2014), *Luật hình sự Việt Nam phần chung*, Nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà Nội.
45. Võ Khánh Vinh (2011), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam phần các tội phạm*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.